

Báo cáo thường niên 2009

MỤC LỤC

NĂM BẮT CƠ HỘI

Định hướng & Mục tiêu	4
Tổng quan	5
Sơ đồ tổ chức	6
Các sự kiện 2009	7
Bài phát biểu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	8
Hội đồng Quản trị	10
Ban Tổng Giám đốc	12
Ban Kiểm soát	14
Trưởng các phòng ban hội sở	15

CỦNG CỐ NỘI LỰC

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	18
- Tổng quan nền kinh tế Việt Nam năm 2009	19
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	20
- Một số chỉ số tài chính chủ yếu	21
- Phương hướng, nhiệm vụ năm 2010	22
- Nguồn nhân lực	23
- Công nghệ thông tin	24
- Quản trị rủi ro	25

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2009

Báo cáo tài chính	28
Đầu tư dài hạn	63

CHIA SẺ THÀNH CÔNG

Các hoạt động xã hội	66
Các giải thưởng đã đạt được	67

PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI

Mạng lưới Chi nhánh & Phòng giao dịch	70
---------------------------------------	----

A close-up photograph of a vibrant green leaf with several clear water droplets resting on its surface. The background is a soft, out-of-focus green. A white square graphic is partially visible on the left side of the image.

NĂM BẮT CƠ HỘI



BAN LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN HÀNG PHƯƠNG ĐÔNG BẰNG TƯ DUY SÁNG TẠO VÀ KHẢ NĂNG ĐỔI MỚI. CHÚNG TÔI ĐÃ SẴN SÀNG ĐỂ NHẢM BẮT VÀ TỐI ĐA HÓA CƠ HỘI TẠO NÊN TỪ SỰ PHỤC HỒI NHANH CHÓNG CỦA NỀN KINH TẾ ĐỂ HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG NGÂN HÀNG BÁN LẺ HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM TRONG TƯƠNG LAI GẦN.



Định hướng

Xây dựng Ngân hàng Phương Đông trở thành Ngân hàng đa năng với cốt lõi là Ngân hàng bán lẻ, đến năm 2015 là một trong 10 ngân hàng cổ phần tốt hàng đầu Việt Nam để đến năm 2020 trưởng thành là một Tập đoàn tài chính.

Mục tiêu

Phục vụ tốt nhất các yêu cầu của khách hàng và đối tác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và cùng nhau phát triển.

Gia tăng giá trị quyền lợi của cổ đông.

Giải quyết hài hòa lợi ích của khách hàng, cổ đông và cán bộ, nhân viên và xã hội.

Tổng quan



Tên gọi: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông
Tên tiếng Anh: ORIENT Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt: OCB

Hội sở chính: Số 45 Lê Duẩn, Q.1, TP.HCM, Việt Nam
Giấy phép hoạt động số 0061/NH-GP ngày 13/04/1996 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059700 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp.

Điện thoại: (84-8) 38 220 960 - 38 220 961

Fax: (84-8) 38 220 963

Website: www.ocb.com.vn

Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 đồng Việt Nam

Đến cuối tháng 12 năm 2009, mạng lưới của OCB đã có mặt tại 17 tỉnh, thành phố trên cả nước gồm Hội sở chính, Sở giao dịch, 22 Chi nhánh, 42 Phòng giao dịch, 4 Quý tiết kiệm.

Số lượng cán bộ, nhân viên: 1.435 người

Cổ đông

Các cổ đông lớn của OCB

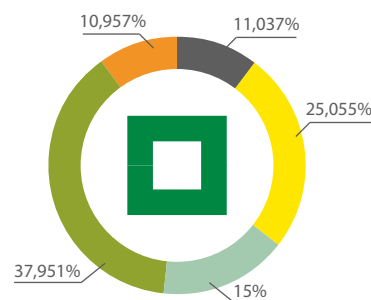
1. Ngân hàng BNP Paribas (Pháp)
2. Tổng công ty Bến Thành (BenThanh Group)
3. Ban Quản trị Tài chính Thành ủy TP.HCM
4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB)
5. Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO)

Đối tác chiến lược nắm giữ 10% vốn điều lệ trở lên: BNP Paribas

BNP Paribas là một trong những Tập đoàn hàng đầu Châu Âu trong lĩnh vực tài chính Ngân hàng và là một trong 6 Ngân hàng mạnh nhất thế giới theo đánh giá xếp hạng của Standard & Poor's. Tập đoàn sở hữu một trong những mạng lưới bán lẻ lớn nhất toàn cầu tại 84 quốc gia và 201.700 nhân viên.

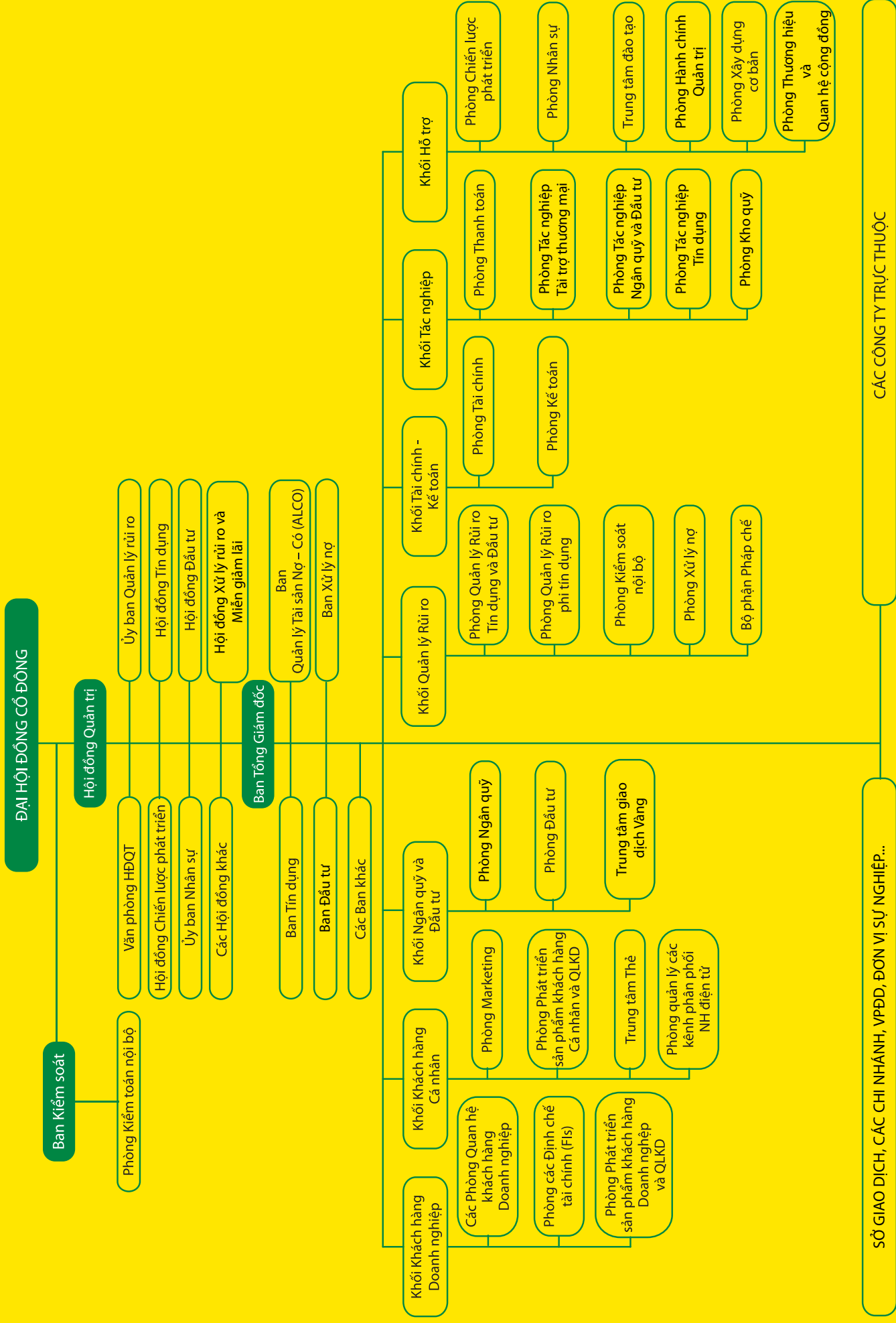
Với việc BNP Paribas nắm giữ 15% vốn điều lệ của OCB, hai bên đã phối hợp có hiệu quả những nội dung trong thỏa thuận liên minh và đã thực hiện được đồng bộ các dự án quan trọng tạo thuận lợi cho OCB phát triển bền vững trong tương lai.

Thành phần cổ đông và tỷ trọng cổ phần nắm giữ hiện nay



- Đơn vị Nhà nước
- Đơn vị cổ phần và TNHH
- Đơn vị nước ngoài
- Thể nhân
- Tổ chức và cổ đông khác

Sơ đồ tổ chức



Các sự kiện 2009

- 29/12/2009** Vốn điều lệ tăng lên 2.000.000.000.000 đồng.
- 17/12/2009** Lễ ký kết bản ghi nhớ thỏa thuận hợp tác giữa Thương mại Cổ phần Phương Đông (OCB) và Công ty IBM Việt Nam.
- 12/12/2009** Ngân hàng Phương Đông tiến hành họp Đại hội cổ đông bất thường năm 2009.
- 17/11/2009** Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt long trọng tổ chức lễ khởi công xây dựng trụ sở tại TP Đà Nẵng.
- 13/11/2009** Trong khuôn khổ diễn đàn lãnh đạo Doanh nghiệp Việt - Pháp, đại sứ quán Pháp phối hợp với VCCI tổ chức tại Hà Nội, Ngân hàng Phương Đông (OCB) đã ký kết biên bản ghi nhớ về việc tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của BNPP (Pháp) trong OCB lên 20% vào thời điểm thích hợp trong năm 2010 sau khi được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Chính phủ.
- 16/10/2009** Khai trương hoạt động Phòng giao dịch Gành Hào.
- 16/09/2009** OCB và Ernst & Young Việt Nam chính thức ký hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoàn thiện Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ.
- 26/08/2009** Ngân hàng Phương Đông ký kết thỏa thuận tăng vốn góp của BNP Paribas (Pháp) vào Ngân hàng Phương Đông từ 10% lên 15%.
- 01/05/2009** Bổ nhiệm Ông Trần Văn Vĩnh làm Tổng Giám đốc.
- 05/02/2009** OCB bắt đầu triển khai dự án CBS Ngân hàng Phương Đông.





Ông Nguyễn Quang Tiên - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CHÚNG TÔI THIẾT NGHĨ NHIỆM VỤ CỦA NGÂN HÀNG PHƯƠNG ĐÔNG TRONG NĂM 2010 SẼ CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN, VÌ VẬY CHÚNG TÔI SẼ NỖ LỰC CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NHẪM NHẬN ĐƯỢC SỰ TÍN NHIỆM TỪ QUÝ VỊ KHÁCH HÀNG; SỰ GIÚP ĐỖ HỖ TRỢ CÓ HIỆU QUẢ CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG; SỰ GÓP SỨC, CẢM THÔNG CỦA QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG CÙNG SỰ NHIỆT TÌNH TRONG CÔNG TÁC CỦA TOÀN THỂ NHÂN VIÊN CÁC CẤP ĐỂ NGÂN HÀNG PHƯƠNG ĐÔNG HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2010 VÀ SẴN SÀNG BƯỚC VÀO GIAI ĐOẠN MỚI - GIAI ĐOẠN TĂNG TỐC VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

Bài phát biểu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trong năm 2009, cuộc khủng hoảng tài chính và kinh tế toàn cầu vẫn còn diễn biến phức tạp và tác động xấu đến nền kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Hoạt động của Ngân hàng Phương Đông cũng nằm trong bối cảnh khó khăn đó, song nhờ nhận biết, rút kinh nghiệm một cách khá đầy đủ các mặt mạnh và tồn tại của mình cùng với nỗ lực của đội ngũ quản lý, cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống và sự hỗ trợ tích cực của các cổ đông, Ngân hàng Phương Đông đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế cơ bản mà Đại hội đồng cổ đông năm 2009 đã đề ra với lợi nhuận trước thuế bằng 106,5% kế hoạch; tổng tài sản tăng 25,7% so với năm 2008; vốn điều lệ tăng lên 2.000 tỷ đồng..., đồng thời chất lượng các chỉ số tài chính được cải thiện đáng kể đã góp phần tăng cường năng lực và uy tín của Ngân hàng.

Công tác đầu tư cơ sở vật chất tại các tỉnh và thành phố Bạc Liêu, Cần Thơ, Quảng Nam, Đà Nẵng đã được triển khai hoàn tất về xây dựng cơ bản; việc đầu tư dự án công nghệ thông tin (core banking) đã được tích cực triển khai và dự kiến hoàn thành kết nối trên toàn hệ thống trong tháng 05 năm 2010; các dịch vụ tiện ích đã được đưa vào khai thác như online tiền gửi, tiền vay, SMS, giao dịch một cửa... với chất lượng ngày càng tốt hơn đã góp phần nâng giá trị phục vụ của Ngân hàng lên một bước phát triển mới.

Việc xây dựng bộ quy tắc đạo đức và ứng xử trong kinh doanh cùng với việc mở rộng quan hệ cộng đồng, quan tâm chia sẻ những khó khăn trong xã hội đã từng bước hình thành những nét văn hóa trong hoạt động của Ngân hàng Phương Đông.

Nhìn chung, hoạt động của Ngân hàng Phương Đông trong năm 2009 bên cạnh việc thực hiện hoàn thành kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao phó là đảm bảo an toàn và ổn định, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động và đẩy mạnh việc đầu tư tạo tiền đề cho việc phát triển những năm tiếp theo.

Bước sang năm 2010, hoạt động của Ngân hàng vẫn phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi những tác động xấu của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế. Vì vậy, để có thể hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch cũng như để phát triển một cách bền vững trong thời gian tới, Ngân hàng Phương Đông sẽ tập trung triển khai một số công tác trọng yếu như: tiếp tục hoàn thiện tái cấu trúc tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực, công nghệ thông tin và đẩy mạnh phát triển thương hiệu với các giải pháp: tăng cường năng lực tài chính, bảo đảm an toàn và gia tăng chất lượng hoạt động, xây dựng các quy chuẩn trong quản lý rủi ro; tiếp tục tăng cường hợp tác trong liên minh chiến lược OCB – BNPP và các đối tác khác nhằm mở rộng và phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng trong nước và quốc tế, tạo điều kiện cho việc nắm bắt và tối đa hóa cơ hội từ sự phục hồi của nền kinh tế nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển để Ngân hàng Phương Đông là Ngân hàng bán lẻ tốt và tiến tới Ngân hàng mạnh trong tương lai gần.

Chúng tôi thiết nghĩ nhiệm vụ của Ngân hàng Phương Đông trong năm 2010 sẽ còn nhiều khó khăn, vì vậy chúng tôi sẽ nỗ lực cải tiến chất lượng phục vụ nhằm nhận được sự tín nhiệm từ quý vị khách hàng; sự giúp đỡ hỗ trợ có hiệu quả của các cơ quan quản lý và các địa phương; sự góp sức, cảm thông của quý vị cổ đông cùng sự nhiệt tình trong công tác của toàn thể nhân viên các cấp để Ngân hàng Phương Đông hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2010 và sẵn sàng bước vào giai đoạn mới - giai đoạn tăng tốc và phát triển bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN QUANG TIÊN

Hội đồng Quản trị



hàng ngồi:

Ông Nguyễn Quang Tiên

hàng đứng (từ trái sang phải):

Ông Huỳnh Phước Long

Ông Thân Hải Thanh

Bà Võ Thị Liên Chi

Ông Nguyễn Văn Bá

Ông Nguyễn Kiến Tường

Ông Michel Chevalier

Ông Nguyễn Quang Tiên

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Là Thạc sỹ Kinh tế, sau 21 năm giữ chức vụ Giám đốc Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) và nhiều cương vị quản trị ở các tổ chức kinh tế khác, Ông đã được chuyển sang giữ chức vụ mới là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn từ 2005 đến 2007. Giữ chức vụ Phó Chủ tịch từ năm 2001 và Chủ tịch Hội đồng Quản trị OCB từ tháng 8/2006 đến nay, đồng thời Ông cũng đang giữ chức vụ ở các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Tổng công ty Bến Thành; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Sài Gòn Ford; Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bến Thành Land. Trong quá trình công tác, Ông đã có những đóng góp quan trọng trong việc quản trị, xây dựng chiến lược phát triển để đưa OCB trở thành một trong những định chế tài chính lớn mạnh tại Việt Nam. Ông đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng II, III.



Ông Huỳnh Phước Long

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế năm 1989, công tác tại Ban Tài chính quản trị Thành ủy TP.HCM từ năm 1995 tới 2007. Từ 2007 tới nay, công tác tại Văn phòng Thành ủy TP.HCM. Trong thời gian này, Ông lại tiếp tục trau dồi kiến thức và nhận bằng Cử nhân Chính trị tại Phân viện Báo chí – Tuyên truyền vào năm 2003. Được bổ nhiệm làm Phó trưởng phòng Quản lý sản xuất kinh doanh thuộc Ban Tài chính quản trị Thành ủy TP.HCM vào năm 2004, Phó trưởng phòng Quản lý đầu tư – Kinh doanh vốn năm 2007, Trưởng phòng Quản lý đầu tư – Kinh doanh vốn năm 2009. Với kiến thức về kinh tế, chính trị, Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng trong quá trình công tác của mình.

Ông Nguyễn Văn Bá

Ủy viên Thường trực Hội đồng Quản trị

Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM vào năm 1980 và Cao học khóa 5 Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế TP.HCM, là sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam từ năm 1982 – 1988. Sau khi chuyển ngành, Ông công tác tại Công ty Lâm Hà (TP.HCM) với chức vụ Giám đốc Trung tâm thương mại. Hiện tại, ngoài chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Lộc Bình Dương, Ông còn là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS). Với vai trò là Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị từ ngày đầu tiên Ngân hàng Phương Đông được thành lập, Ông đã chung vai sát cánh cùng sự hình thành, xây dựng và phát triển OCB. Ông trực tiếp tham gia quản trị và có nhiều đóng góp xây dựng OCB phát triển bền vững, vươn cao và vươn xa lên tầm cao mới.

Ông Thân Hải Thanh

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM, tốt nghiệp Cao cấp Chính trị Nguyễn Ái Quốc, Cử nhân Chính trị. Sau 6 năm công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu Quận 1, TP.HCM, Ông giữ một số chức vụ quan trọng như: Phó Giám đốc Công ty Dịch vụ du lịch Bến Thành, Giám đốc Công ty Dịch vụ du lịch Bến Thành trong khoảng thời gian từ 1990 đến 2004. Sau 14 năm hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, Ông trở thành Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ du lịch Bến Thành, Quyền Chủ tịch và Phó bí thư Đảng ủy Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ du lịch Bến Thành, Ủy viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty Bến Thành, Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bưu chính viễn thông Sài Gòn.

Bà Võ Thị Liên Chi

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Là thành viên Hội đồng Quản trị của OCB, từ năm 1998 đến nay, Bà là Kế toán trưởng Tổng công ty Bến Thành. Từ năm 1992 đến 1997: Kế toán trưởng Công ty Dịch vụ du lịch Bến Thành. Bà tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế ngành Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính - Kế toán.

Ông Nguyễn Kiến Tường

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế quốc dân – Hà Nội, Ông đã công tác trong lĩnh vực tài chính Ngân hàng gần 30 năm. Năm 2006, Ông nhận bằng Tiến sĩ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Nam California (Mỹ). Ông cũng có bằng tốt nghiệp loại xuất sắc khóa học Lý luận Chính trị cao cấp (Học viện Chính trị Khu vực II – TP.HCM). Từ năm 2000 đến 2003, Ông là Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Ngân hàng Liên doanh Chohung Vina (nay là Shinhan Vina). Từ năm 2004 đến nay, Ông là Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn. Với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng cùng kiến thức về kinh tế và quản trị kinh doanh, Ông đã có nhiều đóng góp cho hoạt động kinh doanh của OCB với vai trò là thành viên Hội đồng Quản trị.

Ông Michel Chevalier

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Là một chuyên gia kinh tế tài chính, Ông có gần 40 năm kinh nghiệm tại Ngân hàng BNP Paribas – Pháp và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại nhiều quốc gia trên thế giới như: Chuyên gia phân tích, Phó Giám đốc Chi nhánh Manila (Phi-lip-pin); Thanh tra Nội bộ (Paris); Giám đốc Khu vực Châu Mỹ Latinh – Khối Thị trường; Giám đốc Khu vực Châu Âu & Trung Đông và sau đó là Giám đốc Châu Á & Thổ Nhĩ Kỳ-Israel thuộc Khối Ngân hàng Bán lẻ Quốc tế tại các thị trường mới nổi. Hiện tại, Ông đang giữ chức vụ Giám đốc Châu Á – Châu Mỹ Latinh thuộc Khối Ngân hàng Bán lẻ Quốc tế tại các thị trường mới nổi của BNPP.

Ban Tổng Giám đốc



hàng đứng (từ trái sang phải):

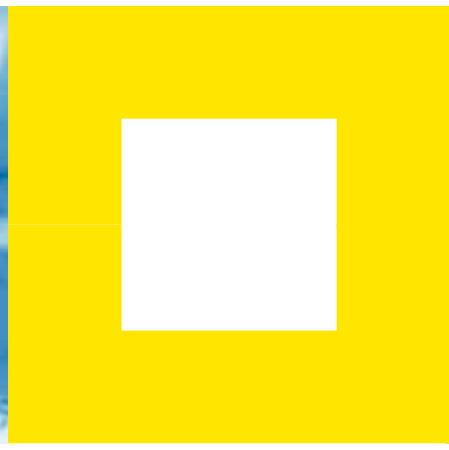
Ông Trương Đình Long
Ông Lê Minh Quốc
Ông Trần Công Thanh
Ông Trần Văn Vĩnh
Ông Nguyễn Văn Nam
Bà Đỗ Thị Thúy Nga

hàng ngồi (từ trái sang phải):

Bà Trần Thị Hải Yến
Ông Lâm Hữu Hạnh

Ông Trần Văn Vĩnh Tổng Giám đốc

Tốt nghiệp Kỹ sư trường Đại học Nông nghiệp chuyên ngành kinh tế Nông nghiệp và Cử nhân Học viện Chính trị Quốc gia TP.HCM chuyên ngành Chính trị. Bên cạnh đó, Ông còn tốt nghiệp Cao cấp Quản trị kinh doanh tại Đại học Amos Tuck, USA năm 2003. Ông Vĩnh được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc OCB từ tháng 05/2009. Ông có trên 35 năm sự nghiệp đầy thành công trong lĩnh vực Ngân hàng, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại BIDV – Chi nhánh TP.HCM như Giám đốc, Phó Giám đốc... Ngoài ra, ông Vĩnh có thời gian công tác tại Ngân hàng khác như Chuyên viên Vụ kinh tế kế hoạch – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từ năm 1975 – 1979, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng HD Bank từ năm 1997 đến tháng 04/2009, Ủy viên Hội đồng Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam từ tháng 08/2009. Ông đã được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam tặng Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc năm 2009.



Bà Trần Thị Hải Yến

Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Hành chính và Cao cấp Chính trị, Bà giữ vai trò là Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Bí thư Đảng ủy ngay từ những ngày đầu tiên thành lập và đã có những đóng góp quan trọng trong công tác điều hành giúp cho OCB phát triển ổn định và bền vững suốt 14 năm qua. Bà được Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc năm 2009.

Ông Lâm Hữu Hạnh

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Sở giao dịch

Tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng, Cao cấp chính trị, với trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nhiều năm công tác trong ngành Ngân hàng, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc OCB từ năm 2004 cho tới nay. Trong vai trò của mình, Ông đã đóng góp rất lớn vào việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.

Ông Nguyễn Văn Nam

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Tây Đô

Được đào tạo về chuyên ngành Kinh tế, tốt nghiệp Cử nhân Luật, Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng. Với vai trò của mình ông đã giúp OCB phát triển mạnh dịch vụ ngân hàng tại các tỉnh khu vực miền Tây Nam Bộ.

Bà Đỗ Thị Thúy Nga

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Tốt nghiệp Cử nhân ngành Tài chính – Tín dụng, khởi đầu sự nghiệp tại Ngân hàng Ngoại thương Hà Nội và có 13 năm giữ các chức vụ quan trọng tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ năm 2008 tới nay, Bà đã có những đóng góp quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch của OCB nói chung cũng như phát triển thương hiệu OCB tại các tỉnh phía Bắc.

Ông Trương Đình Long

Phó Tổng Giám đốc

Được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc OCB từ tháng 03/2007, Ông chịu trách nhiệm quản lý điều hành các chi nhánh tại khu vực miền Đông, miền Trung - Tây Nguyên bao gồm Đắk Lắk, Trung Việt, Khánh Hòa và Bình Dương; các hoạt động đầu tư; phát triển mạng lưới, sản phẩm dịch vụ khách hàng và dịch vụ thẻ...

Là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Ông Long đã gắn bó với OCB ngay từ khi bắt đầu sự nghiệp. Ba năm trong vai trò Phó phòng kế toán Hội sở Ngân hàng Phương Đông, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc OCB – Chi nhánh Phú Lâm, sau đó là Giám đốc OCB Khánh Hòa và Giám đốc OCB Đắk Lắk.

Ông Trần Công Thanh

Phó Tổng Giám đốc

Tốt nghiệp Cử nhân ngành Ngân hàng, Cử nhân Anh văn, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Ông có kinh nghiệm 17 năm công tác trong lĩnh vực Ngân hàng. Trước khi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Phương Đông, Ông đã là Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Việt.

Ông Lê Minh Quốc

Phó Tổng Giám đốc

Có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Lausanne – Thụy Sĩ. Thông thạo 2 thứ tiếng Anh và Pháp, Ông đã từng đảm nhiệm những địa vị lãnh đạo tại Ngân hàng BNP Paribas tại Canada, Pháp, Singapore, Đài Loan. Là Tổng Giám đốc Ngân hàng BNP Paribas tại Việt Nam từ 2005 đến 2008. Trong cương vị Phó Tổng Giám đốc OCB từ 2008 tới nay, Ông đã giúp ích rất nhiều trong việc quản lý những kênh hoạt động then chốt của OCB và hỗ trợ mối quan hệ hợp tác chặt chẽ tốt đẹp với đối tác chiến lược nước ngoài là Ngân hàng BNP Paribas.

Ban Kiểm soát

từ trái sang phải:

Bà Trần Thị Thanh Hà

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Bà Lê Thị Nguyệt



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Trưởng Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, hiện Bà đang giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát OCB. Bên cạnh đó, Bà còn là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành và Phó Chủ tịch Thường trực Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông. Trước đó, Bà có 8 năm là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành. Trong khoảng thời gian từ năm 1992 đến nay, Bà giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành (nay là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành) như Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

Bà Trần Thị Thanh Hà

Ủy viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Bà đã có trên 12 năm gắn bó với OCB. Từ năm 2002 đến năm 2004, Bà là Kiểm soát viên Phòng Kế toán Hội sở. Từ năm 2004 đến nay, Bà giữ vai trò là Ủy viên Ban Kiểm soát.

Bà Lê Thị Nguyệt

Ủy viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Kế toán và đã có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, Bà từng giữ chức vụ Phó phòng Kế toán kiêm Kế toán tổng hợp Công ty Văn hóa Tổng hợp Bến Thành từ năm 1997-2002. Hiện nay, bên cạnh chức vụ Ủy viên Ban Kiểm soát OCB, Bà còn là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành.

Trưởng các phòng ban hội sở



hàng đầu (từ trái sang phải):

Bà Cao Thị Kim Dung
Phó phòng, phụ trách phòng Nhân sự

Bà Lê Phương Chi
Trưởng phòng Thẻ
kiêm Trưởng bộ phận Quan hệ đối ngoại

Bà Trần Thị Kim Cúc
Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ

Bà Nguyễn Khánh Thoại An
Phó phòng, phụ trách phòng
Thanh toán Quốc tế

Bà Nguyễn Mạnh Thúy Chi
Phó phòng Ngân quỹ hỗ trợ nguồn vốn,
phụ trách kinh doanh ngoại tệ, vàng

hàng giữa (từ trái sang phải):

Bà Đoàn Thị Xuân
Kế toán trưởng
kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Lê Hoàng Lan
Trưởng phòng Công nghệ thông tin

Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm
Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp

Bà Lại Thu Vân
Trưởng Kiểm toán nội bộ

Ông Phan Thanh Hải
Phó phòng Xử lý nợ

hàng trên cùng (từ trái sang phải):

Ông Lưu Trường Hận
Trưởng Bộ phận Pháp chế

Bà Huỳnh Thị Lan Anh
Trưởng phòng Hành chính Quản trị

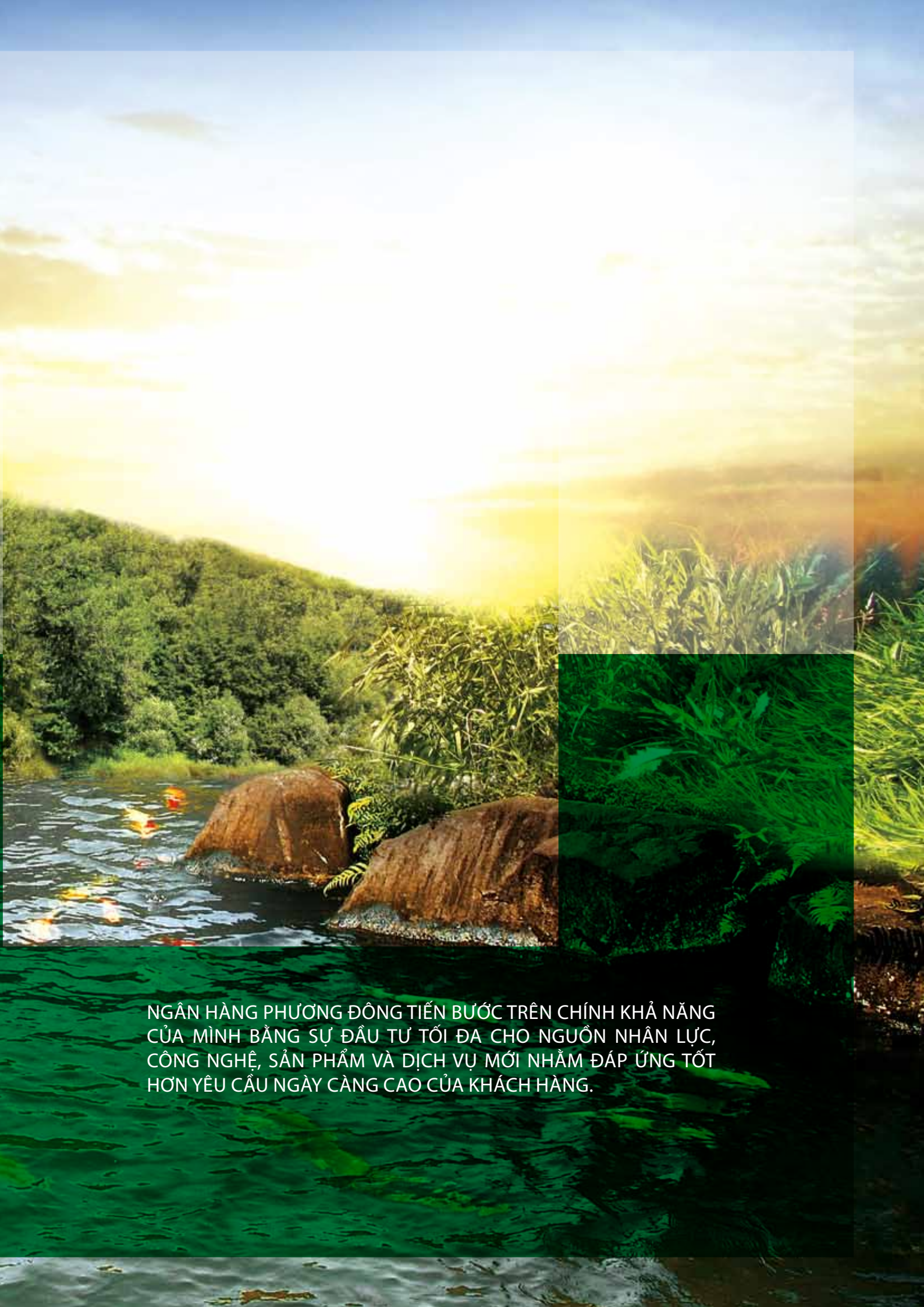
Ông Tô Thanh Sơn
Giám đốc Dự án CBS

Ông Lương Văn Cảnh
Trưởng phòng Xây dựng cơ bản

Ông Châu Minh Tuấn
Trưởng phòng Đầu tư



CỦNG CỐ NỘI LỰC



NGÂN HÀNG PHƯƠNG ĐÔNG TIẾN BƯỚC TRÊN CHÍNH KHẢ NĂNG
CỦA MÌNH BẰNG SỰ ĐẦU TƯ TỐI ĐA CHO NGUỒN NHÂN LỰC,
CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ MỚI NHẪM ĐÁP ỨNG TỐT
HƠN YÊU CẦU NGÀY CÀNG CAO CỦA KHÁCH HÀNG.



Ông Trần Văn Vĩnh - Tổng Giám đốc



TRONG BỐI CẢNH NĂM 2009 ĐẦY KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC NHƯ THẾ, NGÂN HÀNG PHƯƠNG ĐÔNG VẪN HOÀN THÀNH VÀ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH NHỮNG CHỈ TIÊU QUAN TRỌNG MÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG ĐÃ GIAO.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2009

Năm 2009, nền kinh tế Việt Nam khởi đầu gặp nhiều bất lợi do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế thế giới trong năm 2008, làm sụt giảm vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài, giảm cầu nhập khẩu từ nước ngoài... Ngay từ đầu năm 2009, Chính phủ đã ban hành các chính sách, biện pháp kịp thời không những ngăn chặn suy giảm kinh tế, chủ động ngăn ngừa lạm phát cao, đảm bảo an sinh xã hội mà còn đạt được kết quả tăng trưởng GDP mức 5,32%. Việt Nam là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng dương năm 2009.

Hoạt động ngành Ngân hàng năm 2009 được đánh giá là thành công. Hệ thống các tổ chức tín dụng hoạt động an toàn và tiếp tục phát triển. Các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, việc ứng dụng các chương trình công nghệ thông tin hiện đại và các hoạt động dịch vụ đều phát triển mạnh. Tổng huy động vốn trong nền kinh tế tăng 28,7% và tín dụng đối với nền kinh tế tăng 37,73% so với 31/12/2008. Tuy nhiên, các ngân hàng thương mại có sự cạnh tranh bằng lãi suất để huy động vốn trong nền kinh tế. Thị trường ngoại hối và vàng vẫn còn nhiều khó khăn do tâm lý nắm giữ ngoại tệ của doanh nghiệp và người dân, tỷ giá USD/VND bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tăng 5,68%.

Trong bối cảnh của năm 2009 đầy khó khăn và thách thức, Ngân hàng TMCP Phương Đông với sức mạnh tổng hợp từ Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, đội ngũ nhân viên trong toàn hệ thống và sự ủng hộ nhiệt tình của Quý cổ đông, Quý khách hàng đã giúp Ngân hàng Phương Đông hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch những chỉ tiêu quan trọng mà Đại hội cổ đông đã giao.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

(tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2009

HUY ĐỘNG VỐN

- Tính đến 31/12/2009, tổng nguồn vốn huy động trên toàn hệ thống là 10.046 tỷ đồng, tăng 22% so với 2008.
- Tiền gửi Tổ chức kinh tế và cá nhân là 8.970 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 89,3% tổng nguồn vốn huy động, tăng 2.173 tỷ đồng (tương ứng với tốc độ tăng là 32%).
- Các khoản vốn nhận từ các TCTD (quy VNĐ) là 1.029 tỷ đồng, giảm 437 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ giảm là 30%). Bên cạnh đó, Ngân hàng Phương Đông cũng gửi và cho vay các TCTD khác 1.050 tỷ đồng.
- Nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro: 48 tỷ đồng, chiếm 0,5% tổng nguồn vốn huy động, tăng 15 tỷ đồng (tỷ lệ tăng 46%).

HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

Tính đến 31/12/2009, tổng dư nợ cho vay thị trường 1 là 10.217 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2008.

- Phân theo đối tượng:
 - Cho vay cá nhân: 5.599 tỷ đồng.
 - Cho vay TCKT: 4.618 tỷ đồng.
- Phân theo thời hạn:
 - Cho vay ngắn hạn: 6.465 tỷ đồng.
 - Cho vay trung, dài hạn: 3.752 tỷ đồng.
- Hệ số cho vay / huy động vốn TT1: 1,14.
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3,4,5): chiếm tỷ trọng 2,64% dư nợ cho vay.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

a. Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán

Tổng vốn đầu tư và góp vốn, mua cổ phần đến 31/12/2009 là 309 tỷ đồng, trong đó:

- Chứng khoán đầu tư và kinh doanh: 164 tỷ đồng.
- Góp vốn đầu tư dài hạn: 145 tỷ đồng.

Thu nhập thuần từ hoạt động chứng khoán là 44 tỷ đồng (trong đó thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần 10 tỷ đồng) đạt tỷ suất sinh lời là 14,24%.

b. Hoạt động dịch vụ và kinh doanh khác

Hoạt động thanh toán Quốc tế chưa tăng trưởng tốt: Tổng doanh số L/C xuất, nhập khẩu, chuyển tiền và nhờ thu trong năm 2009 gần 80 triệu USD .

Hoạt động kinh doanh vàng và ngoại tệ gặp một số khó khăn do nguồn cung ngoại tệ hạn chế, tỷ giá ngoại tệ và giá vàng biến động phức tạp. Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại tệ đạt 3,2 tỷ đồng.

Thẻ Lucky OCB: Tính đến 31/12/2009, OCB đã phát hành được 16.450 thẻ, tổng doanh số rút tiền mặt là 165 tỷ đồng và tổng số dư tiền gửi trên tài khoản thẻ tương đương 49 tỷ.

Hoạt động phát hành thẻ Lucky - OCB qua hệ thống thẻ của VCB đã hạn chế việc phát triển các dịch vụ tiện ích liên quan đến thẻ, thiếu chủ động trong việc quản lý và xử lý sự cố trong giao dịch ATM. Ngân hàng đang đầu tư để phát triển hoạt động này.

c. Phát triển mạng lưới

Trong năm 2009, Ngân hàng Phương Đông đã thành lập mới 3 đơn vị giao dịch, gồm: Phòng giao dịch Gành Hào thuộc Chi nhánh Bạc Liêu, Quỹ tiết kiệm Quận 11 thuộc Chi nhánh Phú Lâm, Quỹ tiết kiệm Hóc Môn thuộc Chi nhánh Phú Nhuận.

Đóng cửa Phòng giao dịch Bà Triệu thuộc Chi nhánh Hà Nội nhằm chuyển trụ sở giao dịch của Chi nhánh Hà Nội về vị trí trên. Đóng cửa Điểm giao dịch Điện Biên Phủ do hoạt động không hiệu quả.

Tính đến 31/12/2009, mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Phương Đông bao gồm: Hội sở, Sở giao dịch, 22 Chi nhánh, 42 Phòng giao dịch, 4 Quỹ tiết kiệm hiện diện tại các tỉnh thành trọng điểm trên cả nước.

MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

ĐVT: tỷ đồng

Các chỉ tiêu	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng tài sản	2.529	4.020	6.441	11.755	10.095	12.686
Cho vay	1.943	2.891	4.661	7.557	8.597	10.217
Huy động vốn	2.230	3.501	5.412	9.877	8.262	10.046
Vốn điều lệ	200	300	567	1.111	1.474	2.000
Vốn chủ sở hữu	243	413	833	1.655	1.591	2.331
Tổng thu nhập	200	324	613	979	1.477	1.347
Tổng chi phí	156	257	471	748	1.396	1.075
Lãi trước thuế	44	67	142	231	81	272
Lãi sau thuế	33	50	104	169	65	206
Chỉ số tài chính						
ROA (LNST / TTSBQ)	1,56%	1,53%	1,99%	1,86%	0,60%	2,01%
ROE (LNST / VDLBQ)	21,93%	20,00%	23,99%	20,14%	5,03%	13,58%
VCSH/ Tổng TS	9,61%	10,27%	13,50%	14,00%	15,74%	18,37%
VCSH/ Tổng Dư nợ	12,51%	14,29%	18,82%	21,78%	18,3%	22,71%
CAR			16,84%	20,78%	21,64%	28,71%

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

(tiếp theo)

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2010

I. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đầu tư và phát triển tái cấu trúc nguồn nhân lực nhằm đáp ứng việc vận hành cơ cấu tổ chức bộ máy mới, đồng thời đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ kế hoạch phát triển kinh doanh, tăng cường công tác quản lý rủi ro, quản trị điều hành, chuyển đổi cơ cấu doanh thu, lợi nhuận theo hướng Ngân hàng bán lẻ hiện đại và đẩy mạnh đầu tư phát triển thương hiệu OCB.

II. Mục tiêu định lượng

1. Phần đầu tăng vốn điều lệ tối thiểu: 3.100 tỷ đồng.
2. Lợi nhuận trước thuế tối thiểu: 400 tỷ đồng.
3. Tăng dư nợ tín dụng BQ: 30%.
4. Tăng huy động vốn BQ: 40%.
5. Tỷ lệ nợ xấu < Quy định của Ngân hàng Nhà nước.
6. Thu nhập cổ đông 15% (trong đó cổ tức tối thiểu đạt 10%).

III. Nội dung và giải pháp thực hiện

1. Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển 2011-2015

Kết hợp với BNP Paribas và các nhà tư vấn khác để xây dựng và xác lập kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011-2015, trong đó tập trung vào các định hướng phát triển, tầm nhìn, mục tiêu và các giải pháp hành động nhằm đẩy mạnh tốc độ phát triển trong giai đoạn này.

2. Nguồn nhân lực, bộ máy tổ chức hoạt động, hiệu quả hoạt động

Đào tạo trong và ngoài nước đi đôi với việc tuyển dụng mới để đáp ứng việc vận hành giai đoạn 1 của tổ chức bộ máy mới nhằm phát triển kinh doanh. Phân tích chi phí hoạt động để có chính sách chi tiêu phù hợp tăng năng suất lao động và tránh lãng phí. Xây dựng cơ chế quản lý vốn tập trung (FTP), trong đó, chi phí vốn sẽ tính đầy đủ cho các đơn vị có sử dụng vốn Ngân hàng.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin

Hoàn thành dự án Core banking system để nhanh chóng phát triển các dịch vụ tiện ích Ngân hàng hiện đại, Ngân hàng đa kênh (SMS Banking, Mobile Banking, Internet Banking...) tạo thêm thu nhập ngoài lãi và xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản trị điều hành, kiểm soát nội bộ kịp thời và chính xác.

4. Phát triển thương hiệu Ngân hàng Phương Đông

Xây dựng chiến lược truyền bá hình ảnh OCB, đầu tư mạnh cho việc phát triển thương hiệu, thực hiện các thủ tục để niêm yết cổ phiếu Ngân hàng Phương Đông trên

HOSE, xây dựng kế hoạch chiến lược kinh doanh 2011-2015, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng hoạt động Ngân hàng theo tiêu chuẩn ISO.

5. Phát triển kinh doanh

5.1 Tăng năng lực tài chính Ngân hàng

Thực hiện các giải pháp tài chính và phát hành cổ phần mới để đảm bảo tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên tối thiểu 3.100 tỷ đồng vào cuối năm 2010.

5.2 Huy động vốn

Nghiên cứu việc tạo ra nhiều sản phẩm dịch vụ mới để gia tăng huy động vốn, triển khai sản phẩm nhận vốn ủy thác đầu tư tiền gửi, tiền vay của tổ chức và cá nhân; mở rộng nguồn vốn trung dài hạn RDF và từ các định chế tài chính ngoài nước.

5.3 Tín dụng

Đưa vào sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ làm cơ sở cho việc cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo hoặc có ít tài sản đảm bảo đối với khách hàng được xếp hạng cao, đẩy mạnh hoạt động tín dụng tiêu dùng phục vụ đời sống (liên kết với BNP Paribas và Vietcombank), đẩy mạnh nghiệp vụ tài trợ xuất nhập khẩu trong toàn hệ thống, đặc biệt tại các chi nhánh khu vực TP.HCM, các chi nhánh nằm ở các vùng kinh tế trọng điểm.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu và lãi treo để đạt tỷ lệ nợ xấu nhỏ hơn quy định của Ngân hàng Nhà nước.

5.4 Quản trị rủi ro và bảo toàn vốn

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng hoạt động Ngân hàng theo tiêu chuẩn ISO.
- Hoàn thiện chính sách quản lý rủi ro hoạt động Ngân hàng, đặc biệt là quản lý rủi ro phi tín dụng.
- Tiếp tục củng cố và nâng tầm hoạt động Phòng Kiểm soát nội bộ, Phòng Xử lý nợ, Phòng Quản lý rủi ro...

5.5 Công tác phát triển mạng lưới

Đánh giá thực trạng, hướng phát triển của các đơn vị trực thuộc và khảo sát khu vực có tiềm năng để xác lập kế hoạch phát triển mạng lưới và cơ cấu lại các Phòng giao dịch.

5.6 Quan hệ hợp tác quốc tế

Tăng cường quan hệ hợp tác với đối tác chiến lược như BNP Paribas thông qua việc tăng cường các hoạt động của liên minh chiến lược OCB - BNPP để từng bước nối kết với BNPP mở hoạt động ra ngoài lãnh thổ Việt Nam. Thành lập Phòng các định chế tài chính (FI's) nhằm mở rộng quan hệ hợp tác kinh doanh với các định chế tài chính trong và ngoài nước.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

(tiếp theo)

NGUỒN NHÂN LỰC

Với định hướng xây dựng Ngân hàng Phương Đông trở thành Ngân hàng đa năng với cốt lõi là Ngân hàng bán lẻ, đến năm 2015 là một trong 10 ngân hàng cổ phần tốt hàng đầu Việt Nam để đến năm 2020 trở thành là một Tập đoàn tài chính, một trong những yếu tố then chốt, mang tính chất quyết định chính là nguồn nhân lực. Nhận thức được tầm quan trọng đó, ngay từ đầu, Ngân hàng Phương Đông đã rất coi trọng yếu tố tuyển dụng, quy hoạch và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ, nhân viên (CBNV) của Ngân hàng.

Hiện nay, tổng số CBNV của OCB là 1.435 người. Trong đó, trình độ thạc sỹ 32 người, tốt nghiệp Cao đẳng và Đại học trở lên chiếm 70% và đa phần là lực lượng trẻ tuổi đời (bình quân là 30). Trong năm 2009, OCB đã thực hiện 7 khóa đào tạo cho 30 cán bộ quản lý và các chuyên viên đi tham quan khảo sát và học tập ở nước ngoài. Bên cạnh đó, OCB cũng đã liên kết với các trường Đại học và trung tâm đào tạo, tổ chức 91 khóa đào tạo trong nước cho 1.613 lượt CBNV tham dự.

Ngoài ra, nhằm chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế thừa cho Ngân hàng, công tác quy hoạch cán bộ được Ban lãnh đạo Ngân hàng rất quan tâm. Các CBNV dự kiến để bạt, bổ nhiệm được thường xuyên bồi dưỡng và đào tạo về kỹ năng quản lý cũng như trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tính riêng trong năm 2009, OCB đã để bạt và bổ nhiệm 94 CBNV vào các vị trí tương ứng trên tổng số 128 CBNV (chiếm 73,43%) trong danh sách được quy hoạch với các chức danh từ Tổ trưởng/Kiểm soát lên đến chức danh Phó Tổng Giám đốc.

Bên cạnh việc không ngừng nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng và đào tạo để duy trì, thu hút và phát triển nguồn nhân lực, OCB rất chú trọng đến chính sách thu nhập và tạo ra môi trường làm việc thân thiện, kích thích sự sáng tạo, năng động của CBNV bằng các chế độ phúc lợi và hoạt động phong trào Đoàn thể, tạo ra nét văn hóa rất riêng của OCB. Tất cả những điều này đã giúp cho OCB có được đội ngũ CBNV là những trí thức trẻ, gắn bó với đại gia đình OCB.



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

(tiếp theo)

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Năm 2009 là năm đánh dấu cột mốc đầu tiên khi lãnh đạo Phòng Công nghệ thông tin (CNTT) với sự chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc và sự hợp tác với BNP Paribas (BNPP) đã tiến hành đổi mới triệt để toàn bộ cơ cấu tổ chức của phòng ngày càng chuyên nghiệp hơn, hiện đại hơn, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế nhằm tránh rủi ro, hoàn thiện tính an toàn cho dữ liệu và thông tin của Ngân hàng. Mô hình tổ chức của OCB hiện nay với đầy đủ các bộ phận chức năng dựa trên mô hình quản lý chất lượng quốc tế ITIL V3 và ISO 20000.

Điểm quan trọng trong mô hình tổ chức mới là sự xuất hiện của bộ phận Bảo mật CNTT và Kiểm soát chất lượng CNTT. Đây là hai bộ phận “không thể thiếu”, là “bộ phận đảm bảo tính chuyên nghiệp của tổ chức”, sẵn sàng cho sự phát triển với quy mô lớn hơn.

Ngay sau khi được thành lập, bộ phận Bảo mật CNTT và Kiểm soát chất lượng CNTT đã nhanh chóng bắt tay vào công việc khi lần lượt cho ra đời những quy trình CNTT nền tảng dẫn lối cho từng bước đi vững chắc của các bộ phận khác, giúp có được mục tiêu cụ thể hơn, rõ ràng hơn, tối ưu hơn về chất lượng và an toàn hơn về thông tin.

Bên cạnh Bảo mật và Kiểm soát chất lượng, bộ phận Vận hành là một điểm quan trọng khác trong toàn bộ hệ thống CNTT. Bộ phận này đảm trách công tác vận hành, giám sát các hệ thống CNTT đã đưa vào hoạt động nhằm đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin hoạt động xuyên

suốt, ổn định, sẵn sàng phục vụ hoạt động Ngân hàng. Sau chuyến đào tạo thực tế tại Pháp, bộ phận vận hành CNTT đã tự tin nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp ra bên ngoài bằng hệ thống giám sát được thiết kế chuyên nghiệp, công phu với sự tư vấn của chuyên gia BNPP với kết quả là hệ thống CNTT ngày càng chạy xuyên suốt hơn, ổn định hơn.

Bộ phận Phân tích Nghiệp vụ & Phát triển ứng dụng là niềm tự hào của Phòng CNTT – Bộ phận này đảm trách công tác phân tích các yêu cầu nghiệp vụ, hỗ trợ xây dựng quy trình nghiệp vụ phục vụ công tác phát triển ứng dụng, đáp ứng yêu cầu hoạt động. Công tác này đã được chuyên môn hóa với các nhân sự giỏi nhiều kinh nghiệm chuyên môn, khả năng quản lý công việc tốt - được đào tạo chuyên sâu với các chuyên gia BNPP. Bộ phận này đã đạt được nhiều thành quả đáng kể - đóng góp rất lớn cho thành công của CNTT trong năm qua.

Các bộ phận nòng cốt đã có của phòng CNTT cũng không ngừng phát triển, với mục tiêu sẽ nhanh chóng hoàn thành dự án Lõi Ngân hàng T24, bộ phận Hạ tầng đã luôn theo sát với công nghệ hiện đại, nghiên cứu và ứng dụng vào hoạt động thực tế nhằm nâng cao hiệu quả khai thác phục vụ hoạt động Ngân hàng.

Với hoạt động năm 2009, hiện nay OCB đã có được một hệ thống hạ tầng CNTT vững mạnh và hiện đại, sẵn sàng phục vụ hoạt động Ngân hàng:

- Hệ thống mạng WAN với đường truyền dự phòng đảm bảo hoạt động 24/7.
- Trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế với trang thiết bị hiện đại đảm bảo cho hoạt động 24/7 của Ngân hàng.
- Hệ thống giao dịch trực tuyến về huy động, tín dụng... với các công cụ quản trị nội bộ bước đầu đáp ứng yêu cầu phát triển sản phẩm, dịch vụ và kiểm tra kiểm soát nội bộ (sẽ được thay thế bởi T24).
- Kho dữ liệu (Data warehouse) tự xây dựng bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu quản lý dữ liệu lịch sử, khai thác phục vụ công tác quản trị.
- Quản lý Internet tập trung đã tiết giảm chi phí và tăng cường bảo mật.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

(tiếp theo)

QUẢN TRỊ RỦI RO

Là một Ngân hàng thương mại tập trung vào bán lẻ, OCB xác định các rủi ro chính cần quản lý gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và rủi ro thanh khoản. Để quản lý các rủi ro này một cách có hiệu quả, Ngân hàng thực hiện nhận dạng, đo lường, kiểm soát và quản lý các rủi ro trong khuôn khổ các nguyên tắc, thủ tục và quy trình giải quyết giao dịch và sự phân công trong cơ cấu tổ chức.

Năm 2009, kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng khá rõ nét của cuộc khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu. Mặc dù gói kích thích kinh tế của Chính phủ đã hỗ trợ kịp thời, hoạt động của các tổ chức tín dụng nói chung và của Ngân hàng Phương Đông (OCB) nói riêng đều chịu tác động và có nhiều khó khăn, phức tạp. Trong bối cảnh đó, vấn đề quản lý rủi ro được đặt lên hàng đầu; trong đó quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro tín dụng là những trọng tâm.

Được sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự hỗ trợ của chuyên viên BNP Paribas – đối tác chiến lược của OCB, bộ phận Quản lý rủi ro của

OCB đã tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng. Đến cuối năm 2009, hệ số an toàn vốn của Ngân hàng là 28,71%, cao hơn mức quy định tối thiểu của Nhà nước là 8%. Rủi ro tín dụng được kiểm soát trong giới hạn cho phép, nợ xấu được khống chế ở mức 2,53%. Online Tiền Vay, thành quả của sự hợp tác chặt chẽ giữa Phòng Quản lý rủi ro, Ban Dự án hợp tác về Quản lý rủi ro và Phòng CNTT, được xây dựng và triển khai chỉ trong vòng 6 tháng. Đây không những là bước chuẩn bị tốt cho CBS mà còn là tiền đề cho nhiều dự án quan trọng khác (CIF, Management Reporting...).

Ngân hàng đã xây dựng các công cụ quản lý rủi ro thanh khoản và lãi suất dựa trên nền tảng của 2 chương trình Online Tiền Gửi và Tiền Vay như báo cáo thanh khoản (VND, USD, vàng, và các loại ngoại tệ khác) dựa vào lịch trả nợ và bảng đáo hạn của các hợp đồng, báo cáo lãi suất vốn đầu vào và lãi suất đầu ra; xây dựng công cụ quản lý các giao dịch nguồn vốn thị trường liên Ngân hàng.



Công tác quản lý rủi ro được OCB đặt lên hàng đầu, trong đó trọng tâm là quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro tín dụng.



**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH 2009**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2009

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

NGÂN HÀNG

Ngân hàng là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 0089/QĐ-NH do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp trong thời hạn 99 năm kể từ ngày 13 tháng 4 năm 1996.

Hoạt động chính của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Vốn cổ phần

Kể từ ngày thành lập, vốn cổ phần của Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng theo các quyết định sau:

<i>Số vốn cổ phần tăng lên (triệu đồng)</i>	<i>Quyết định của NHNNVN</i>	<i>Ngày cấp</i>
70.000	Quyết định số 89/QĐ-NH5	13 tháng 4 năm 1996
93.736	Quyết định số 182/2003/NHTP	24 tháng 02 năm 2003
101.351	Quyết định số 508/QĐ-NHNN	22 tháng 5 năm 2003
137.130	Quyết định số 270/NHNN-HCM02	01 tháng 3 năm 2004
200.000	Quyết định số 2037/NHNN-HCM02	02 tháng 12 năm 2004
300.000	Quyết định số 2187/NHNN-HCM02	03 tháng 11 năm 2005
630.000	Quyết định số 651/NHNN-HCM02	30 tháng 5 năm 2006
1.000.000	Quyết định số 750/NHNN-HCM02	24 tháng 5 năm 2007
1.111.111	Quyết định số 1926/NHNN-HCM02	24 tháng 12 năm 2007
1.474.477	Quyết định số 1928/NHNN-HCM02	29 tháng 10 năm 2008
1.877.000	Quyết định số 2531/NHNN-HCM02	23 tháng 11 năm 2009
2.000.000	Quyết định số 9865/NHNN-TTGSNH	15 tháng 12 năm 2009

Trụ sở

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông có trụ sở chính đặt tại số 45 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) Sở Giao Dịch tại thành phố Hồ Chí Minh, hai mươi hai (22) chi nhánh chính, bốn mươi hai (42) phòng giao dịch, bốn (04) quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CHIA CỔ TỨC

	2009 <i>triệu đồng</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	206.189
Cổ tức trả trong năm	147.447
Lợi nhuận để lại vào cuối năm	211.067

Ngân hàng đã tạm ứng cổ tức 2009 là 147.447 triệu đồng và sẽ kết chuyển vào lợi nhuận chưa phân phối của năm 2009 khi có Quyết định chính thức của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Quang Tiên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2006
Ông Huỳnh Phước Long	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2009
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2006
Ông Michel Chevalier	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2008
Ông Thân Hải Thanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2006
Ông Nguyễn Kiến Tường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2009
Bà Võ Thị Liên Chi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2006
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2009

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Trần Văn Vĩnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2009
Bà Trần Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2006
Ông Lâm Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2006
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2007
Ông Trương Đình Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2007
Bà Đỗ Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2008
Ông Lê Minh Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2008
Ông Trần Công Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2009
Ông Võ Văn Châu	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2009

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Ngân hàng.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này đã được Ban Kiểm soát - Kiểm toán nội bộ Ngân hàng xem xét và đề nghị phê duyệt.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định tài chính và kế toán có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Quang Tiên
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 02 năm 2010

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 607 58138/1354143

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("Ngân hàng") tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đi kèm như được trình bày từ trang 5 đến trang 60 ("các báo cáo tài chính"). Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ernst & Young Vietnam (HS)

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Woo Tsin Hoang Van

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyen Phuong Nga

Nguyễn Phương Nga
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0763/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 02 năm 2010

Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN

Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)

Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác

Tiền, vàng gửi tại TCTD khác

Cho vay các TCTD khác

Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

Cho vay khách hàng

Cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

Góp vốn, đầu tư dài hạn

Đầu tư vào công ty con

Vốn góp liên doanh

Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định

Hao mòn tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá tài sản cố định

Hao mòn tài sản cố định

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định

Hao mòn tài sản cố định

Bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư

Hao mòn bất động sản đầu tư

Tài sản có khác

Các khoản phải thu

Các khoản lãi, phí phải thu

Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tài sản Có khác

Trong đó: Lợi thế thương mại

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

TỔNG TÀI SẢN

	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	365.083	164.363
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	228.153	231.737
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	1.050.383	254.149
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	1.005.323	166.149
Cho vay các TCTD khác	45.060	88.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
Chứng khoán kinh doanh	43.758	77.812
Chứng khoán kinh doanh	67.562	77.812
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(23.804)	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	2.154
Cho vay khách hàng	10.109.855	8.527.662
Cho vay khách hàng	10.216.975	8.597.488
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(107.120)	(69.826)
Chứng khoán đầu tư	68.818	73.660
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	66.102	37.866
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	30.020	59.515
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(27.304)	(23.721)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	136.209	203.008
Đầu tư vào công ty con	-	-
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	145.293	226.130
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(9.084)	(23.122)
Tài sản cố định	259.596	244.657
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	201.316	187.934
Nguyên giá tài sản cố định	253.064	222.948
Hao mòn tài sản cố định	(51.748)	(35.014)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	-	-
Nguyên giá tài sản cố định	-	-
Hao mòn tài sản cố định	-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	58.280	56.723
Nguyên giá tài sản cố định	60.471	58.460
Hao mòn tài sản cố định	(2.191)	(1.737)
Bất động sản đầu tư	-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư	-	-
Tài sản có khác	424.358	315.500
Các khoản phải thu	355.024	240.190
Các khoản lãi, phí phải thu	51.765	53.399
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tài sản Có khác	17.569	21.911
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>	-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	-	-
TỔNG TÀI SẢN	12.686.213	10.094.702

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009



	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-
Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác	1.028.986	1.432.651
Tiền, vàng gửi của các TCTD khác	1.027.150	1.430.875
Vay các TCTD khác	1.836	1.776
Tiền gửi của khách hàng	8.051.896	6.796.187
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	5.549	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	47.783	33.175
Phát hành giấy tờ có giá	917.629	-
Các khoản nợ khác	303.475	241.601
Các khoản lãi, phí phải trả	86.264	165.696
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	217.038	75.204
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	173	701
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	10.355.318	8.503.614
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn và các quỹ	2.330.895	1.591.088
Vốn của TCTD	2.066.766	1.474.477
Vốn cổ phần	2.000.000	1.474.477
Vốn đầu tư XDCB	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	66.766	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Vốn khác	-	-
Quỹ của TCTD	53.062	45.023
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	211.067	71.588
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.686.213	10.094.702

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn

Bảo lãnh vay vốn
Cam kết trong nghiệp vụ L/C
Bảo lãnh khác

Các cam kết đưa ra

Cam kết khác

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
228	51
24.984	39.865
49.371	28.110
173	8.851
74.756	76.877

Người lập

Bà **Trương Ngọc Thanh**
Kiểm soát phòng Tài chính
Kế toán

Người phê duyệt

Bà **Đoàn Thị Xuân**
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông **Trần Văn Vĩnh**
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 02 năm 2010

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009



	Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.189.029	1.358.421
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(715.372)	(1.098.080)
Thu nhập lãi thuần	473.657	260.341
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	15.868	14.503
Chi phí hoạt động dịch vụ	(8.113)	(5.970)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	7.755	8.533
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.154	5.502
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(42.159)	-
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	76.172	(21.881)
Thu nhập từ hoạt động khác	12.559	83.015
Chi phí hoạt động khác	(5.525)	(26.974)
Lãi thuần từ hoạt động khác	7.034	56.041
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	9.951	15.629
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	535.564	324.165
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		
Chi phí tiền lương	(122.522)	(92.736)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(18.350)	(11.357)
Chi phí hoạt động khác	(84.644)	(103.250)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(225.516)	(207.343)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	310.048	116.822
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(38.437)	(35.338)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	271.611	81.484
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(65.422)	(16.451)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN	(65.422)	(16.451)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	206.189	65.033
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.396	586

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM

Lợi nhuận thuần trong năm

LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI

Trừ:

- Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước
- Trả cổ tức cho năm trước

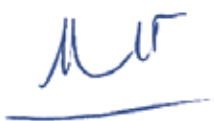
LỢI NHUẬN CÒN LẠI ĐỂ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ CHIA CHO CỔ ĐÔNG

Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
71.588	168.591
206.189	65.033
277.777	233.624
(11.654)	(49.587)
(55.056)	(112.449)
211.067	71.588

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt






Bà **Trương Ngọc Thanh**
Kiểm soát phòng Tài chính
Kế toán

Bà **Đoàn Thị Xuân**
Kế toán Trưởng

Ông **Trần Văn Vinh**
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 02 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.190.663	1.388.336
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(794.804)	(1.073.425)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	7.328	8.533
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	50.048	1.449
Thu nhập khác	1.353	1.358
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	2.269	2.682
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(194.576)	(171.376)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(50.590)	(34.062)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động

211.691

123.495

Những thay đổi về tài sản hoạt động

Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	42.940	927.500
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	88.246	167.013
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (Tăng) các khoản cho vay khách hàng	2.154	-
(1.619.487)	(1.040.050)	
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(1.671)	(8.296)
(Tăng) khác về tài sản hoạt động	29.522	(45.492)

Những thay đổi về công nợ hoạt động

Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-
(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(403.665)	(2.599.256)
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	1.255.709	1.024.443
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	917.629	-
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	14.608	(40.050)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	5.549	-
Tăng khác về công nợ hoạt động	(34.396)	1.232
Chi từ các quỹ của TCTD	(3.615)	(17.627)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

505.214

(1.507.088)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Mua sắm tài sản cố định	(91.754)	(43.981)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8.825	63.382
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	(35)
Mua sắm bất động sản đầu tư	-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	6.833	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(1.610)	(16.944)
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	6.992	13.137

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư

(70.714)

15.559

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tăng vốn cổ phần

Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác

Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác

Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia

Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ

Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ

Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ

Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá

Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ

Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
592.289	1.000
-	-
-	-
(147.447)	(133.485)
-	-
-	-
444.842	(132.485)
879.342	(1.624.014)
562.249	2.186.263
-	-
1.441.591	562.249

Trong năm 2009, vốn điều lệ của Ngân hàng tăng 525.523 triệu đồng Việt Nam thông qua chào bán cổ phần cho Ngân hàng BNP Paribas (cổ đông hiện hữu) và chào bán riêng lẻ cho đối tác trong nước có chọn lọc.

Người lập

Bà **Trương Ngọc Thanh**
Kiểm soát phòng Tài chính
Kế toán

Người phê duyệt

Bà **Đoàn Thị Xuân**
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông **Trần Văn Vĩnh**
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 02 năm 2010

Thuyết minh báo cáo tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

Tiền mặt bằng VNĐ
Tiền mặt bằng ngoại tệ
Vàng, tiền tệ
Kim loại quý

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
98.767	107.092
13.624	16.925
205.823	40.346
46.869	-
365.083	164.363

2. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”)

Tiền gửi thanh toán tại NHNN

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
228.153	231.737

Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Trong năm 2009, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 1,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 8,50%/năm và 1,00%/năm).

Theo quy định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 3,00% và 1,00% (2008: 6,00% và 2,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ có kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng trở lên; và bằng 7,00% và 3,00% (2008: 7,00% và 3,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ cho kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng trở lên. Theo đó, mức dự trữ bắt buộc (bằng VNĐ và ngoại tệ) trung bình trong tháng 12 năm 2009 là 194.523 triệu đồng và 1.871.000 đô la Mỹ.

Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

3. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác
Cho vay các TCTD khác

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
1.005.323	166.149
45.060	88.000
1.050.383	254.149

3.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

Tiền, vàng gửi không kỳ hạn
- Bằng VNĐ
- Bằng ngoại tệ, vàng (*)

Tiền gửi có kỳ hạn
- Bằng VNĐ
- Bằng ngoại tệ

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
65.654	21.381
477.261	114.768
542.915	136.149
100.000	30.000
362.408	-
462.408	30.000
1.005.323	166.149

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.2 Cho vay các TCTD khác

Bằng vàng

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
45.060	88.000

4. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

Chứng khoán Vốn

Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
24.430	40.482
43.132	37.330
67.562	77.812
(23.804)	-
43.758	77.812

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

Đã niêm yết
Chưa niêm yết

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
39.562	-
28.000	77.812
67.562	77.812

4.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

	31/12/2009			31/12/2008		
	Số dư triệu đồng	Dự phòng triệu đồng	Số thuần triệu đồng	Số dư triệu đồng	Dự phòng triệu đồng	Số thuần triệu đồng
Cổ phiếu đã niêm yết	39.562	14.844	24.718	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	28.000	8.960	19.040	77.812	-	77.812
	67.562	23.804	43.758	77.812	-	77.812

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		
		Tài sản triệu đồng	Công nợ triệu đồng	Số dư ròng triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009				
Công cụ TC phái sinh tiền tệ				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	390.858	9.709	5.704	4.005
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	733.054	155	9.709	(9.554)
	1.123.912	9.864	15.413	(5.549)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008				
Công cụ TC phái sinh tiền tệ				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	88.794	2.154	-	2.154
	88.794	2.154	-	2.154

6. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	10.186.030	8.581.114
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	20.723	11.436
Nợ chờ xử lý	10.086	-
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	136	-
Cho vay khác	-	4.938
	10.216.975	8.597.488

6.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	9.726.117	7.972.257
Nợ cần chú ý	221.376	378.147
Nợ dưới tiêu chuẩn	57.924	148.043
Nợ nghi ngờ	50.178	44.560
Nợ có khả năng mất vốn	161.380	54.481
	10.216.975	8.597.488

6.2 Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
Nợ ngắn hạn	6.464.570	4.871.995
Nợ trung hạn	2.722.841	2.632.695
Nợ dài hạn	1.029.564	1.092.798
	10.216.975	8.597.488

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các TCKT				
Công ty cổ phần khác	2.386.798	23,35	-	-
Công ty TNHH tư nhân	1.570.946	15,38	3.641.279	42,35
Doanh nghiệp tư nhân	341.752	3,34	-	-
Doanh nghiệp Nhà nước	220.491	2,16	233.295	2,71
Công ty TNHH Nhà nước	54.038	0,53	-	-
Hợp tác xã	28.186	0,28	35.113	0,41
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	16.243	0,16	12.987	0,15
	4.618.454	45,20	3.922.674	45,63
Cho vay cá nhân	5.598.521	54,80	4.674.814	54,38
	10.216.975	100,00	8.597.488	100,00

6.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	2.355.107	23,05	10.589	0,12
Thương nghiệp sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	1.627.589	15,93	311.147	3,62
Ngành khác	1.602.525	15,68	1.821.297	21,17
Công nghiệp chế biến	1.085.373	10,62	118.431	1,38
Xây dựng	1.044.882	10,23	421.245	4,90
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	810.424	7,93	73.645	0,86
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	794.960	7,78	172.024	2,00
Khách sạn và nhà hàng	323.078	3,16	60.760	0,71
Nông nghiệp và lâm nghiệp	141.784	1,39	219.298	2,55
Thủy sản	110.868	1,09	62.726	0,73
Hoạt động tài chính	86.777	0,85	2.776	0,03
SX và PP điện khí đốt và nước	66.187	0,65	6.764	0,08
Giáo dục và đào tạo	55.040	0,54	37.546	0,44
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	36.915	0,36	7.510	0,09
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	31.304	0,31	5.253.890	61,11
Hoạt động văn hoá thể thao	17.061	0,17	710	0,01
Quản lý Nhà nước và an ninh quốc phòng: Đảng, đoàn thể, đảm bảo xã hội bắt buộc	16.498	0,16	3.013	0,04
Công nghiệp khai thác mỏ	9.659	0,09	1.840	0,02
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể Quốc tế	944	0,01	5.838	0,07
Hoạt động khoa học và công nghệ	-	0,00	6.439	0,07
	10.216.975	100,00	8.597.488	100,00

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



7. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng trên được trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	107.120	69.826
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	173	701
	107.293	70.527

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư đầu kỳ	28.216	42.311	70.527
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	38.244	19.758	58.002
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(13.795)	(5.770)	(19.565)
Số dư dự phòng rủi ro tại ngày 30 tháng 11	52.665	56.299	108.964
Số dư phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	(1.671)	-	(1.671)
Số dư cuối kỳ	50.994	56.299	107.293

8. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán Vốn

Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành

Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành

Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán Chính phủ

Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành

	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	30.721	21.716
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	35.381	16.150
	66.102	37.866
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(27.304)	(23.721)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Chứng khoán Chính phủ	30.020	59.312
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	-	203
	30.020	59.515
	68.818	73.660

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chi tiết các khoản chứng khoán vốn sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Giá gốc triệu đồng	% sở hữu của Ngân hàng	Giá gốc triệu đồng	% sở hữu của Ngân hàng
<i>Đầu tư vào các TCTD</i>				
Ngân hàng TMCP Việt Á	11.748,00	0,43%	-	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	7.928,00	0,03%	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Á	5.242,00	0,04%	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	3.357,00	0,06%	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	1.445,00	0,01%	10.348,00	0,16%
Ngân hàng TMCP Nam Á	1.001,00	0,04%	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	5.802,00	0,10%
	30.721,00		16.150,00	
<i>Đầu tư vào các doanh nghiệp</i>				
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	26.050,00	4,06%	-	-
Công ty CP XNK Cao Su	6.200,00	2,85%	-	-
Công ty CP Thực phẩm Dinh dưỡng Đồng Tâm	3.131,00	0,28%	-	-
Công ty CP Chứng khoán TP.HCM	0,40	0,00%	-	-
Công ty CP Cơ Điện Lạnh	-	-	6.555,00	0,81%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	-	5.048,00	0,13%
Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển Gemadep	-	-	5.005,00	1,05%
Công ty CP CK Sài Gòn	-	-	2.990,00	0,19%
Công ty TNHH Vincom	-	-	2.118,00	0,18%
	35.381,40		21.716,00	
	66.102,40		37.866,00	

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh đầu tư sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
Số đầu kỳ	23.721	3.840
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh số 29)	3.583	19.881
Số cuối kỳ	27.304	23.721

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2009		31/12/2008	
	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng
Trái phiếu Kho bạc	20.000	20.000	10.000	10.000
Trái phiếu Đô thị	10.000	10.000	120	120
Trái phiếu Chính phủ	20	20	50.000	49.192
Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	203	203
	30.020	30.020	60.323	59.515

Đây là các khoản đầu tư vào trái phiếu dài hạn do Chính phủ hoặc các tổ chức tín dụng phát hành và Ngân hàng có ý định nắm giữ đến khi đáo hạn.

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm và hưởng lãi suất là 8,35%/năm.

Trái phiếu Kho bạc do Kho bạc Nhà nước phát hành có kỳ hạn từ 2 năm đến 5 năm và có lãi suất từ 8,00% đến 8,60%/năm. Tiền lãi được thanh toán hàng năm.

Trái phiếu Đô thị có kỳ hạn 5 năm do Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh phát hành có lãi suất là 8,52 đến 9,05%/năm.

9. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Các khoản đầu tư dài hạn khác triệu đồng
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2009	226.130
Vốn góp tăng trong năm	2.264
Vốn góp giảm trong năm	(6.364)
Phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh	(22.832)
Phân loại lại sang chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(53.905)
	145.293
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 11.2, 29)	(9.084)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	136.209

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9.1 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2009			31/12/2008		
	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	% sở hữu của Ngân hàng	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	% sở hữu của Ngân hàng
<i>Đầu tư vào các tổ chức tín dụng</i>						
Ngân hàng TMCP Đông Á	-	-	-	4.560	4.560	0,04%
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	-	-	-	7.494	7.494	0,03%
<i>Đầu tư vào các tổ chức kinh tế</i>						
Công ty CP Chứng khoán Phương Đông	34.650	34.650	11,00%	34.650	34.650	11,00%
Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	11.890	11.890	3,96%	11.890	11.890	3,96%
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Bến Thành	11.382	10.533	11,00%	11.382	11.382	11,00%
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	9.688	9.688	9,26%	8.078	8.078	7,75%
Công ty CP Du lịch Bến Thành Non Nước	6.600	6.600	11,00%	6.600	6.600	11,00%
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Phú Quốc	3.251	3.251	10,16%	3.251	3.251	10,16%
Công ty CP Khách sạn Sài Gòn Tourane	3.000	3.000	10,00%	3.000	3.000	10,00%
Công ty CP Dịch vụ thẻ Smartlink	2.000	2.000	4,00%	2.000	2.000	4,00%
Công ty TNHH Ô tô Ford Sài Gòn	1.300	1.300	10,00%	1.300	1.300	10,00%
Công ty CP Khu nghỉ mát Sài Gòn - Mũi Né	1.000	1.000	6,67%	1.000	1.000	6,67%
Công ty TNHH Ô tô Dana Ford	880	880	11,00%	880	880	11,00%
Công ty CP DV Bưu chính viễn thông Sài Gòn	44.692	44.692	1,69%	44.038	44.038	1,54%
Công ty CP Quản lý Đầu tư Thành Việt	9.350	2.954	10,00%	9.350	9.350	10,00%
Công ty CP Xuất nhập khẩu Khánh Hội	2.550	2.550	0,84%	6.990	3.823	2,29%
Quỹ A1 Sài Gòn	3.060	1.221	9,00%	3.060	3.060	9,00%
Công ty CP Chứng khoán TPHCM	-	-	-	22.801	22.801	2,95%
Công ty CP Cấp và Vật liệu Viễn Thông	-	-	-	22.832	2.877	0,38%
Công ty CP Cơ Khí Ngành In	-	-	-	1.924	1.924	9,82%
Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Nam	-	-	-	19.050	19.050	1,88%
	145.293	136.209		226.130	203.008	

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	31/12/2009			31/12/2008		
	Số dư triệu đồng	Dự phòng triệu đồng	Số thuần triệu đồng	Số dư triệu đồng	Dự phòng triệu đồng	Số thuần triệu đồng
Cổ phiếu đã niêm yết	2.550	-	2.550	52.623	23.122	29.501
Cổ phiếu chưa niêm yết	142.743	9.084	133.659	173.507	-	173.507
	145.293	9.084	136.209	226.130	23.122	203.008

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

10.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	TSCĐ khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	162.263	30.062	30.578	45	222.948
Phân loại lại	(17)	(225)	230	12	-
Số dư đầu kỳ sau khi phân loại lại	162.246	29.837	30.808	57	222.948
Mua trong kỳ	13.081	11.047	11.289	-	35.417
Thanh lý, nhượng bán	(2.725)	(272)	(2.304)	-	(5.301)
Số dư cuối kỳ	172.602	40.612	39.793	57	253.064
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	9.520	15.737	9.750	7	35.014
Phân loại lại	(3)	(166)	157	12	-
Số dư đầu kỳ sau khi phân loại lại	9.517	15.571	9.907	19	35.014
Khấu hao trong kỳ	4.206	7.493	6.182	15	17.896
Thanh lý, nhượng bán	(140)	(272)	(750)	-	(1.162)
Số dư cuối kỳ	13.583	22.792	15.339	34	51.748
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	152.743	14.325	20.828	38	187.934
Tại ngày cuối kỳ	159.019	17.820	24.454	23	201.316

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình

	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.732	11.269

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn triệu đồng</i>	<i>Phần mềm máy vi tính triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	56.568	1.892	58.460
Mua trong kỳ	1.910	101	2.011
Số dư cuối kỳ	58.478	1.993	60.471
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	333	1.404	1.737
Khấu hao trong kỳ	224	230	454
Số dư cuối kỳ	557	1.634	2.191
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	56.235	488	56.723
Tại ngày cuối kỳ	57.921	359	58.280

Các thông tin về TSCĐ vô hình đặc biệt

	<i>Nguyên giá/ Giá trị hợp lý khi ghi nhận ban đầu triệu đồng</i>	<i>Giá trị khấu hao lũy kế triệu đồng</i>	<i>Giá trị còn lại triệu đồng</i>	<i>Thời gian khấu hao còn lại triệu đồng</i>
Nguyên giá của TSCĐ vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.388	-	-	-

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
Các khoản phải thu khác

	<i>31/12/2009 triệu đồng</i>	<i>31/12/2008 triệu đồng</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	23.035	13.115
Các khoản phải thu khác	331.989	227.075
	355.024	240.190

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11.1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
Công trình trụ sở chi nhánh Bình Dương	7.132	7.253
Công trình phòng giao dịch An Hòa	4.616	1.883
Công trình trụ sở chi nhánh Trung Việt - Quảng Nam	3.843	85
Công trình 85/5 Trần Phú, Bạc Liêu	3.267	386
Dự án Phương Đông Tây Nguyên	1.764	-
Công trình 54 Trần Hưng Đạo, Long Xuyên, An Giang	1.047	100
Công trình 148B Nguyễn Thị Thanh, Cà Mau	352	183
Công trình trụ sở chi nhánh Trung Việt	352	207
Công trình trụ sở chi nhánh Hà Nội	321	198
Công trình trụ sở chi nhánh Bến Tre	192	173
Công trình trụ sở chi nhánh Sóc Trăng	137	89
Dự án Phương Đông An Giang	12	-
Công trình 48-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1	-	288
Công trình văn phòng làm việc 2-4-6 Đoàn Như Hải	-	2.270
	23.035	13.115

11.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ		
Tạm ứng chia cổ tức (a)	147.447	55.056
Tạm ứng cho nhân viên	6.551	3.965
Các khoản phải thu bên ngoài		
Mua sắm tài sản cố định	78.814	42.141
Phải thu ủy thác đầu tư		
Công ty Quản lý Quỹ Lộc Việt (b)	58.771	81.540
Phải thu từ Ngân sách Nhà nước	13.831	-
Tạm ứng ủy thác đầu tư (c)	11.670	20.990
Đặt cọc thuê văn phòng	5.941	4.259
Phải thu cổ tức	2.304	-
Phải thu công ty chứng khoán Phương Đông	886	-
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	271	873
Phải thu từ Ngân hàng TMCP Thái Bình Dương	-	15.527
Các khoản khác	5.503	2.724
	331.989	227.075

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ KHÁC

Chi phí chờ phân bổ
Tài sản gán nợ chờ xử lý
Vật liệu đang dùng

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
9.828	13.448
7.294	7.953
447	510
17.569	21.911

13. TIỀN, VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

Tiền, vàng gửi các TCTD khác
Vay các TCTD khác

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
1.027.150	1.430.875
1.836	1.776
1.028.986	1.432.651

13.1 Tiền, vàng gửi các TCTD khác

Tiền gửi không kỳ hạn
Bằng VNĐ
Bằng ngoại tệ

Tiền, vàng gửi có kỳ hạn

Bằng VNĐ
Bằng ngoại tệ, vàng

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
2.671	2.042
91	87
2.762	2.129
411.429	1.340.746
612.959	88.000
1.024.388	1.428.746
1.027.150	1.430.875

13.2 Vay các TCTD khác

Bằng ngoại tệ

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
1.836	1.776

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

14.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
<i>Tiền, vàng gửi không kỳ hạn</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	1.031.994	926.574
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	15.548	13.247
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	30.196	9.471
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	11.262	7.216
	1.089.000	956.508
<i>Tiền, vàng gửi có kỳ hạn</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	2.557.667	1.705.836
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	3.463.589	3.460.002
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ, vàng	83.442	50.165
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ, vàng	830.032	589.835
	6.934.730	5.805.838
<i>Tiền gửi vốn chuyên dùng</i>	10.107	13.089
<i>Tiền ký quỹ</i>		
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	7.009	7.500
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	11.050	13.252
	18.059	20.752
	8.051.896	6.796.187

14.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
Tiền gửi của TCKT		
DN ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	2.506.220	1.620.799
Doanh nghiệp quốc doanh	565.519	599.444
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	75.884	16.663
	3.147.623	2.236.906
Tiền gửi của cá nhân	4.694.492	4.384.221
Tiền gửi của các đối tượng khác	209.781	175.060
	8.051.896	6.796.187

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

Vốn nhận tài trợ RDFII bằng VNĐ
Vốn nhận ủy thác đầu tư khác

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
46.508	31.900
1.275	1.275
47.783	33.175

16. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Kỳ phiếu từ 12 tháng đến dưới 5 năm

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
917.629	-

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

Các khoản phải trả nội bộ
Các khoản phải trả bên ngoài
Tổng

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
25.659	12.666
191.379	62.538
217.038	75.204

18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu kỳ triệu đồng	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ triệu đồng
		Số phải nộp triệu đồng	Số đã nộp triệu đồng	
Thuế TNDN	693	65.422	50.590	15.525
Thuế GTGT	6.885	2.014	8.840	59
Thuế nhà thầu	-	2.052	1.720	332
Các loại thuế khác	687	3.591	3.770	508
	8.265	73.079	64.920	16.424

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2008: 28%).

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế

Trừ:

Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế

Lãi từ tín phiếu kho bạc được miễn thuế

Lợi nhuận thuần từ thanh lý bất động sản

Cộng:

Chi phí sử dụng vốn mua trái phiếu kho bạc

Chi phí không được khấu trừ

Thu nhập chịu thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25% (cho năm 2009)

Chi phí thuế TNDN do thanh lý bất động sản

Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước

Thuế TNDN trong tài chính

Thuế TNDN phải trả đầu năm

Thuế TNDN đã trả trong năm

Thuế TNDN phải trả cuối năm

	Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	271.611	81.484
Trừ:		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(9.951)	(15.629)
Lãi từ tín phiếu kho bạc được miễn thuế	(799)	(8.593)
Lợi nhuận thuần từ thanh lý bất động sản	(3.207)	(52.023)
Cộng:		
Chi phí sử dụng vốn mua trái phiếu kho bạc	-	7.017
Chi phí không được khấu trừ	825	35
Thu nhập chịu thuế TNDN	258.479	12.291
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 25% (cho năm 2009)	64.620	3.442
Chi phí thuế TNDN do thanh lý bất động sản	802	13.006
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	-	3
Thuế TNDN trong tài chính	65.422	16.451
Thuế TNDN phải trả đầu năm	693	18.304
Thuế TNDN đã trả trong năm	(50.590)	(34.062)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	15.525	693

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN VÀ CÁC QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

20.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2009 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
Số dư đầu kỳ	1.474.477	-	39.896	2.275	2.852	71.588	1.591.088
Tăng trong kỳ							
Tăng vốn trong kỳ	525.523	66.766	-	-	-	-	592.289
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	206.189	206.189
Trích bổ sung các quỹ cho kỳ trước	-	-	6.178	3.252	2.224	(11.654)	-
Giảm trong kỳ							
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	-	(3.615)	-	(3.615)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(55.056)	(55.056)
Số dư cuối kỳ	2.000.000	66.766	46.074	5.527	1.461	211.067	2.330.895

Trong năm 2009, vốn cổ phần của Ngân hàng đã được tăng lên, chi tiết như sau:

	Quyết định số	Ngày chấp thuận của NHNN	Hình thức góp vốn
Tăng vốn điều lệ từ 1.474 tỷ đồng lên 1.877 tỷ đồng	2531/NHNN-HCM02	23/11/2009	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và đối tác trong nước có chọn lọc
Tăng vốn điều lệ từ 1.877 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng	9865/NHNN-TTGSNH	15/12/2009	Bán cổ phần cho ngân hàng BNP Paribas

Chi tiết phần vốn cổ phần của Ngân hàng như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Tổng số triệu đồng	Vốn CP thường triệu đồng	Tổng số triệu đồng	Vốn CP thường triệu đồng
Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	2.000.000	2.000.000	1.474.477	1.474.477
Thặng dư vốn cổ phần	66.766	66.766	-	-
	2.066.766	2.066.766	1.474.477	1.474.477

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (*cổ phiếu*)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- *Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- *Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (*đồng/cổ phiếu*)

Năm 2009	Năm 2008
200.000.000	147.447.700
200.000.000	147.447.700
10.000	10.000

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (*cổ phiếu*)
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (*đồng/cổ phiếu*)

Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
206.189	65.033
206.189	65.033
147.735.658	111.210.652
1.396	586

22. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

Thu nhập lãi tiền gửi
Thu nhập lãi cho vay khách hàng
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ:
- *Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh*
Thu khác từ hoạt động tín dụng

Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
8.872	82.684
1.137.310	1.211.582
4.203	27.824
4.203	27.824
38.644	36.331
1.189.029	1.358.421

23. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

Trả lãi tiền gửi
Trả lãi tiền vay
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá
Chi phí hoạt động tín dụng khác

Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
651.227	1.077.399
2.774	19.623
11.403	-
49.968	1.058
715.372	1.098.080

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ

Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
15.868	14.503
(8.113)	(5.970)
7.755	8.533

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay

Thu từ kinh doanh vàng

Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ

Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối

Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay

Chi về kinh doanh vàng

Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ

Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
9.824	16.923
15.683	12.036
7.508	24
33.015	28.983
(14.635)	(9.181)
(9.842)	(14.300)
(5.384)	-
(29.861)	(23.481)
3.154	5.502

26. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư

Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
641	-
(18.996)	-
(23.804)	-
(42.159)	-

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. LÃI/(LỖ) THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	85.715	436
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(19.998)	(2.436)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(3.583)	(19.881)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(9.084)	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	23.122	-
Lãi/(lỗ) thuận từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư	76.172	(21.881)

28. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	12.559	83.015
Chi phí từ hoạt động khác	(5.525)	(26.974)
Lãi thuận từ hoạt động khác	7.034	56.041

29. THU NHẬP TỪ VỐN GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần:		
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	7.015	10.579
- Từ chứng khoán Vốn đầu tư	2.227	1.414
- Từ chứng khoán Vốn kinh doanh	55	1.144
- Cổ phiếu thưởng	654	2.492
	9.951	15.629

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí
Chi phí cho nhân viên
Chi về tài sản
Chi cho hoạt động quản lý
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng
Chi dự phòng

Năm 2009 triệu đồng	Năm 2008 triệu đồng
1.667	2.112
122.522	92.736
44.480	37.414
49.733	47.265
7.114	4.694
-	23.122
225.516	207.343

31. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuận thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán sau đây:

Tiền mặt bằng VNĐ
Tiền mặt bằng ngoại tệ
Vàng tiền tệ
Kim loại quý
Tiền gửi thanh toán tại NHNN
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 90 ngày

31/12/2009 triệu đồng	31/12/2008 triệu đồng
98.767	107.092
13.624	16.925
205.823	40.346
46.869	-
228.153	231.737
385.947	136.149
462.408	30.000
1.441.591	562.249

32. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

I. Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)		
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương		
2. Tiền thưởng		
3. Thu nhập khác		
4. Tổng thu nhập (1+2+3)		
5. Tiền lương bình quân		
6. Thu nhập bình quân		

	Thực tế phát sinh năm 2009	Thực tế phát sinh năm 2008
	1.435	1.338
	99.052	77.358
	5.222	-
	8.081	6.729
	112.355	84.087
	5,75	4,82
	6,52	5,24

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

33.1 Rủi ro lãi suất

	Quá hạn triệu đồng	Không chịu ảnh hưởng do định lại lãi suất triệu đồng	Chịu ảnh hưởng do định lại lãi suất trong khoảng thời gian			Tổng cộng triệu đồng
			Đến 1 tháng triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng triệu đồng	Từ 3 đến 6 tháng triệu đồng	
Tài sản						
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	365.083	-	-	-	365.083
Tiền gửi tại NHNN	-	-	228.153	-	-	228.153
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác (*)	-	507.468	542.915	-	-	1.050.383
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	67.562	-	-	-	67.562
Cho vay khách hàng (*)	273.753	1.756.823	2.653.439	2.492.264	3.040.696	10.216.975
Chứng khoán đầu tư (*)	-	96.122	-	-	-	96.122
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	145.293	-	-	-	145.293
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	259.596	-	-	-	259.596
Tài sản Có khác (*)	-	424.358	-	-	-	424.358
Tổng tài sản	273.753	3.622.305	3.424.507	2.492.264	3.040.696	12.853.525
Nợ phải trả						
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	1.026.224	2.762	-	-	1.028.986
Tiền gửi của khách hàng	-	6.934.730	1.117.166	-	-	8.051.896
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	5.549	-	-	-	5.549
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	47.783	-	-	-	47.783
Phát hành giấy tờ có giá	-	917.629	-	-	-	917.629
Các khoản nợ khác	-	303.302	-	-	-	303.302
Tổng nợ phải trả	-	9.235.217	1.119.928	-	-	10.355.145
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	273.753	(5.612.912)	2.304.579	2.492.264	3.040.696	2.498.380
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	92.815	-	-	-	92.815
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	273.753	(5.520.097)	2.304.579	2.492.264	3.040.696	2.591.195

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33.2 Rủi ro tiền tệ

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	EUR được quy đổi triệu đồng	USD được quy đổi triệu đồng	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi triệu đồng	Các ngoại tệ khác được quy đổi triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	204	13.082	252.692	338	266.316
Tiền gửi tại NHNN	-	33.660	-	-	33.660
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác (*)	2.321	669.313	212.390	705	884.729
Cho vay khách hàng (*)	-	77.164	139.637	-	216.801
Tổng tài sản	2.525	793.219	604.719	1.043	1.401.506
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	561.686	53.200	-	614.886
Tiền gửi của khách hàng	2.631	581.028	389.250	169	973.078
Các tài sản nợ khác	2	378.237	2.549	9	380.797
Tổng nợ phải trả	2.633	1.520.951	444.999	178	1.744.932
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(108)	(727.732)	159.720	865	(567.255)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	177	36.070	-	-	36.247
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	69	(691.662)	159.720	865	(531.008)

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

33.3 Rủi ro thanh khoản

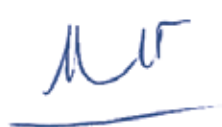
	Quá hạn						Tổng cộng triệu đồng
	Trên 3 tháng triệu đồng	Đến 3 tháng triệu đồng	Đến 1 tháng triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng triệu đồng	Từ 3 - 12 tháng triệu đồng	Từ 1 - 5 năm triệu đồng	
Tài sản							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	365.083	-	-	-	365.083
Tiền gửi tại NHNN	-	-	228.153	-	-	-	228.153
Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	831.503	218.880	-	-	1.050.383
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	39.562	-	28.000	-	67.562
Cho vay khách hàng (*)	130.989	142.764	789.410	2.035.634	3.537.723	2.601.285	10.216.975
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	12.730	-	83.382	10	96.122
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	145.293	145.293
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	74	1.993	63.300	259.596
Tài sản Có khác (*)	-	-	120.277	147.447	156.634	-	424.358
Tổng tài sản	130.989	142.764	2.386.718	2.402.035	3.807.732	2.809.888	1.173.399
Nợ phải trả							
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	773.320	253.528	-	302	1.028.986
Tiền gửi của khách hàng	-	-	5.224.174	1.495.210	952.080	380.432	8.051.896
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	5.549	-	-	-	5.549
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	454.342	426.834	2.620	43.888	47.783
Các khoản nợ khác	-	-	126.707	173.497	3.098	-	303.302
Tổng nợ phải trả	-	-	6.584.092	2.350.344	994.251	424.622	1.836
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	130.989	142.764	(4.197.374)	51.691	2.813.481	2.385.266	1.171.563
							2.498.380

(*): không bao gồm dự phòng rủi ro

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)


tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Người lập



Bà **Trương Ngọc Thanh**
Kiểm soát phòng
Tài chính Kế toán

Người phê duyệt



Bà **Đoàn Thị Xuân**
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Ông **Trần Văn Vĩnh**
Tổng Giám đốc


Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 02 năm 2010

Đầu tư dài hạn

STT	Doanh nghiệp đầu tư (DNĐT)	Vốn điều lệ của DNĐT	Số lượng CP sở hữu	Giá trị đầu tư	% Góp vốn theo mệnh giá cổ phần so với VDL của DNĐT
ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC				145.292.679.320	-
1	Công Ty CP Chứng khoán Phương Đông	240.000.000.000	2.640.000	34.650.000.000	11,00%
2	Công Ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	300.000.000.000	1.189.000	11.890.000.000	3,96%
3	Công Ty CP Đầu tư Địa ốc Bến Thành	80.850.000.000	889.350	11.382.000.000	11,00%
4	Công Ty CP Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	104.288.500.000	965.544	9.687.540.000	9,26%
5	Công Ty CP Du lịch Bến Thành Non Nước	60.000.000.000	660.000	6.600.000.000	11,00%
6	Công Ty CP Du lịch Sài Gòn - Phú Quốc	32.000.000.000	325.120	3.251.200.000	10,16%
7	Công Ty CP Khách sạn Sài Gòn Tourane	30.000.000.000	300.000	3.000.000.000	10,00%
8	Công Ty CP Dịch vụ Thẻ Smartlink	50.000.000.000	200.000	2.000.000.000	4,00%
9	Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô	13.000.000.000	-	1.300.000.000	10,00%
10	Công Ty CP Du lịch khách sạn Sài Gòn - Mũi Né	15.000.000.000	100.000	1.000.000.000	6,67%
11	Công Ty CP Ô tô Dana - Ford	8.000.000.000	88.000	880.000.000	11,00%
12	Công Ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	425.000.000.000	719.230	44.692.300.000	1,69%
13	Công Ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Thành Việt	88.000.000.000	880.000	9.350.000.000	10,00%
14	Công Ty CP Xuất nhập khẩu Khánh Hội	141.203.090.000	118.180	2.549.639.320	0,84%
15	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A1	33.350.000.000	300.000	3.060.000.000	9,00%



CHIA SẺ THÀNH CÔNG



TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, NGÂN HÀNG OCB LUÔN CHÚ TRỌNG ĐẾN CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI. NĂM 2009, OCB ĐÃ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG THIẾT THỰC NHƯ CỨU TRỢ NẠN NHÂN LŨ LỤT Ở MIỀN TRUNG, ỦNG HỘ "QUỸ TRI ÂN" CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH NHÂN NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM... TRONG TƯƠNG LAI, OCB VẪN TIẾP TỤC DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN CÁC HOẠT ĐỘNG Ý NGHĨA NÀY ĐỂ CÓ THỂ CHIA SẺ NHIỀU HƠN CHO XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG.

Các hoạt động xã hội



1. Tặng quà, sửa chữa nhà cho các CBNV OCB bị bệnh nan y, có hoàn cảnh khó khăn: 40.000.000 đồng.
2. Xây dựng 4 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo tại Vĩnh Long, Sóc Trăng, Cần Thơ, Hậu Giang.
3. Ủng hộ Quỹ tri ân Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, trao học bổng cho sinh viên khoa Ngân hàng - trường Đại học Kinh tế TP.HCM: 100.000.000 đồng.
4. Trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho 144 cháu con CBNV OCB trị giá: 120.000.000 đồng.
5. Ủng hộ đồng bào bị lũ lụt miền Trung trong cơn bão số 9, 11: 160.000.000 đồng.
6. Trao quà Trung thu, 1/6 cho hơn 700 cháu, trị giá trên trên 100.000.000 đồng.
7. Tài trợ khám, phát thuốc miễn phí cho trẻ em nghèo huyện Ba Tri – Bến Tre: 10.000.000 đồng.
8. Phụng dưỡng suốt đời 3 Mẹ Việt Nam Anh Hùng ở TP.HCM và Bến Tre.
9. Tham gia tài trợ chương trình đường Trường Sơn huyền thoại do UBND tỉnh Quảng Bình tổ chức: 50.000.000 đồng.
10. Ủng hộ quỹ đồng bào có hoàn cảnh khó khăn Quận 1: 300.000.000 đồng.

Các giải thưởng đã đạt được

Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tặng đơn vị có thành tích xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua ngành Ngân hàng năm 2009.



Giấy khen Ngân hàng TMCP Phương Đông đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Thi đua yêu nước Quận 1 (giai đoạn 2005-2009) do Ủy ban nhân dân Quận 1 trao tặng.



Cúp doanh nghiệp Thương mại dịch vụ tiêu biểu do Báo Công Thương – Bộ Công Thương trao tặng.



Cúp giải thưởng Doanh nghiệp vì cộng đồng 2009.



Bằng chứng nhận Thương hiệu Chứng khoán uy tín và danh hiệu Công ty Đại chúng tiêu biểu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam do Trung tâm Thông tin tín dụng trao tặng.



Bảng khen Công Đoàn Cơ Sở Ngân hàng TMCP Phương Đông đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và hoạt động công đoàn giỏi năm 2009 do Liên đoàn lao động TP. Hồ Chí Minh trao tặng.



PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI



NGÂN HÀNG OCB KHÔNG NGỪNG MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ ĐỂ THU HÚT THÊM NHIỀU KHÁCH HÀNG, MỞ RỘNG THỊ PHẦN TẠO TIỀN ĐỀ CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TƯƠNG LAI.

Mạng lưới Chi nhánh & Phòng giao dịch

HỘI SỞ: 45 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM ĐT: (08) 38.220.960 Fax: (08) 38.220.963

KHU VỰC TP.HCM

Sở giao dịch TP.HCM

45 Lê Duẩn, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 38.220.960 Fax: (08) 38.220.963

Phòng giao dịch TÚ XƯƠNG

8 Tú Xương, P.7, Q.3, TP.HCM
ĐT: (08) 39.320.447 Fax: (08) 39.321.970

Phòng giao dịch NGUYỄN THÁI BÌNH

194 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM
ĐT: (08) 39.142.252 Fax: (08) 39.142.254

Phòng giao dịch LÊ THÁNH TÔN

186 -188 Lê Thánh Tôn, P.Bến Thành, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 38.244.667 Fax: (08) 38.244.665

Phòng giao dịch ĐỒNG KHỞI

02 Đồng Khởi, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 38.272.821 Fax: (08) 38.272.907

Chi nhánh BẾN THÀNH

391A Trần Hưng Đạo, P.Cầu Kho, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 38.385.026 Fax: (08) 38.385.043

Phòng giao dịch HÀM NGHI

91A Hàm Nghi, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 38.223.665 Fax: (08) 39.141.699

Phòng giao dịch TRẦN HƯNG ĐẠO

982 Trần Hưng Đạo, P.7, Q.5, TP.HCM
ĐT: (08) 39.233.255 Fax: (08) 39.238.663

Phòng giao dịch KHÁNH HỘI

246 Khánh Hội, P.6, Q.4, TP.HCM
ĐT: (08) 39.432.167 Fax: (08) 39.432.168

Phòng giao dịch KINH TẾ

135 Trần Hưng Đạo, P.Cầu Ông Lãnh, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 39.207.709 Fax: (08) 39.207.712

Chi nhánh PHÚ NHUẬN

146 Lê Văn Sỹ, P.10, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
ĐT: (08) 39.910.634 Fax: (08) 39.910.639

Phòng giao dịch BÃY HIẾN

73 Trường Chinh P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (08) 39.490.913 Fax: (08) 38.490.672

Phòng giao dịch CỬ CHI

Lô C1, đường D3, KCN Tây Bắc, H.Củ Chi, TP.HCM
ĐT: (08) 37.925.443 Fax: (08) 37.925.442

Quý tiết kiệm HÓC MÔN

11/3 Lý Thường Kiệt, Khu phố 2, TT.Hóc Môn, TP.HCM
ĐT: (08) 37.106.690 Fax: (08) 37.106.689

Chi nhánh TÂN BÌNH

435G - 435H Hoàng Văn Thụ, P.4, Q.Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (08) 38.112.399 Fax: (08) 38.114.746

Chi nhánh QUẬN 4

2 - 4 - 6 Đoàn Như Hải, P.12, Q.4, TP.HCM
ĐT: (08) 39.435.060 Fax: (08) 39.435.006

Chi nhánh THỦ ĐỨC

390 Võ Văn Ngân, P.Bình Thới, Q.Thủ Đức, TP.HCM
ĐT: (08) 37.220.863 Fax: (08) 38.969.222

Phòng giao dịch CÁT LÁI

286 Nguyễn Thị Định, P.Bình Trưng Tây, Q.2, TP.HCM
ĐT: (08) 54.027.083 Fax: (08) 54.027.085

Chi nhánh GIA ĐỊNH

81 Phan Đăng Lưu, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
ĐT: (08) 35.511.855 Fax: (08) 35.511.856

Phòng giao dịch GÒ VẤP

664 Phan Văn Trị, P.7, Q.Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: (08) 39.895.721 Fax: (08) 39.892.983

Phòng giao dịch DUY TÂN

17 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, TP.HCM
ĐT: (08) 38.244.504 Fax: (08) 38.244.510

Phòng giao dịch XÓM MỚI

695 Lê Đức Thọ, P.16, Q.Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: (08) 39.163.183 Fax: (08) 39.163.182

Quý tiết kiệm TRƯỜNG CHINH

71 Trường Chinh, P.Tân Thới Nhất, Q.12, TP.HCM
ĐT: (08) 35.921.020 Fax: (08) 35.921.021

Chi nhánh CHỢ LỚN

419 - 421 An Dương Vương, P.3, Q.5, TP.HCM
ĐT: (08) 38.337.127 Fax: (08) 38.337.128

Phòng giao dịch PHÚ THỌ

1060 đường 3/2, P.12, Q.11, TP.HCM
ĐT: (08) 39.628.804 Fax: (08) 39.627.778

Phòng giao dịch NGUYỄN TRI PHƯƠNG

305 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10, TP.HCM
ĐT: (08) 39.571.506 Fax: (08) 38.555.368

Phòng giao dịch ĐÀO DUY TỬ

279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10, TP.HCM
ĐT: (08) 39.571.142 Fax: (08) 39.571.180

Phòng giao dịch SÀI GÒN

228 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 54.042.662 Fax: (08) 54.042.663

Quý tiết kiệm CHÂU VĂN LIÊM

34 Châu Văn Liêm, P.10, Q.5, TP.HCM
ĐT: (08) 38.539.643 Fax: (08) 38.539.649

Chi nhánh PHÚ LÂM

279 Nguyễn Văn Luông, P.12, Q.6, TP.HCM
ĐT: (08) 54.061.351 Fax: (08) 36.671.102

Quý tiết kiệm QUẬN 11

248-250 Minh Phụng, P.2, Q.11, TP.HCM
ĐT: (08) 39.698.534 / 35 Fax: (08) 39.698.532

Phòng giao dịch TÂN PHÚ

156 Nguyễn Sơn, P. Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM
ĐT: (08) 39.787.490 Fax: (08) 39.787.491

Chi nhánh TÂN THUẬN

533 Trần Xuân Soạn, P.Tân Kiểng, Q.7, TP.HCM
ĐT: (08) 37.711.234 Fax: (08) 37.719.087

Phòng giao dịch PHÚ MỸ HƯNG

D2-20 Lô R19-1 Khu phố Mỹ Toàn 3, Phú Mỹ Hưng, Q.7, TP.HCM
ĐT: (08) 54.103.155 Fax: (08) 54.103.158

KHU VỰC MIỀN ĐÔNG

Chi nhánh BÌNH DƯƠNG

233 KP2, Đại lộ Bình Dương, P. Phú Thọ, TX.Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: (0650) 3.812.592 Fax: (0650) 3.812.589

Phòng giao dịch LÁI THIÊU

11ĐT 745 Khu phố Chợ, TT.Lái Thiêu,
Bình Dương
ĐT: (0650) 3.762.628 Fax: (0650) 3.762.630

Phòng giao dịch DĨ AN

4/19D Nguyễn An Ninh, Khu phố Bình Minh,
Dĩ An, Bình Dương
ĐT: (0650) 3.736.541 Fax: (0650) 3.736.543

Chi nhánh ĐỒNG NAI

Lô 25-26 Đồng Khởi, Khu phố 4, P.Tân Hiệp,
Biên Hoà, Đồng Nai
ĐT: (061) 3.912.200 Fax: (061) 3.913.662

KHU VỰC MIỀN TRUNG**Chi nhánh TRUNG VIỆT**

Số 5 Đồng Đa, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
ĐT: (0511) 3.887.899 Fax: (0511) 3.887.898

Phòng giao dịch LIÊN CHIẾU

691 Tôn Đức Thắng, Q.Liên Chiểu, Đà Nẵng
ĐT: (0511) 3.736.023 Fax: (0511) 3.736.026

Phòng giao dịch HẢI CHÂU

Lô 01 Triệu Nữ Vương, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
ĐT: (0511) 3.866.999 Fax: (0511) 3.866.998

Phòng giao dịch NÚI THÀNH

118 Núi Thành, P.Hoà Thuận Đông,
Q.Hải Châu, Đà Nẵng
ĐT: (0511) 3.631.699 Fax: (0511) 3.631.698

Phòng giao dịch THANH KHÊ

A37 Điện Biên Phủ, Q.Thanh Khê, Đà Nẵng
ĐT: (0511) 3.648.777 Fax: (0511) 3.649.985

Chi nhánh KHÁNH HÒA

100 Hoàng Văn Thụ, TP.Nha Trang,
Khánh Hòa
ĐT: (058) 3.820.883 Fax: (058) 3.820.880

Chi nhánh ĐẮK LẮK

105 Hoàng Diệu, TP.Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk
ĐT: (0500) 3.817.685 Fax: (0500) 3.817.686

KHU VỰC MIỀN TÂY**Chi nhánh LONG AN**

202-204 Hùng Vương, P.2, TX. Tân An, Long An
ĐT: (072) 3.829.160 Fax: (072) 3.829.166

Phòng giao dịch BẾN LỨC

42 KP 3, Nguyễn Hữu Thọ, TT Bến Lức, Long An
ĐT: (072) 3.636.998 Fax: (072) 3.636.996

Phòng giao dịch ĐỨC HÒA

144C, Khu 3, TT. Đức Hòa, Long An
ĐT: (072) 3.763.959 Fax: (072) 3.763.989

Chi nhánh TÂY ĐO

25A Châu Văn Liêm, Q.Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: (0710) 3.829.152 Fax: (0710) 3.829.411

Phòng giao dịch AN PHÚ

78 Mậu Thân, P.An Phú, Q.Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: (0710) 3.832.423 Fax: (0710) 3.764.879

Phòng giao dịch AN HÒA

155 CMT8, P.An Hoà, Q.Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: (071) 3.825.273 Fax: (071) 3.764.256

Phòng giao dịch ĐÔNG THUẬN

Ấp Đông Hòa, Xã Đông Thuận, H.Thới Lai, Cần Thơ
ĐT: (0710) 3.683.009 Fax: (0710) 3.683.299

Phòng giao dịch PHƯỚC THỚI

Số 33/F Ấp Thới Đông, P.Phước Thới,
Q.Ô Môn, Cần Thơ
ĐT: (0710) 3.861.491 Fax: (0710) 3.660.889

Phòng giao dịch VĨNH LONG

87 - 89 Phạm Thái Bường, Khóm 1, P.4,
TX. Vĩnh Long, Vĩnh Long
ĐT: (070) 3.853.259 Fax: (070) 3.853.254

Phòng giao dịch ĐỒNG THÁP

158-160 Nguyễn Huệ, P.2, TP.Cao Lãnh,
Đồng Tháp
ĐT: (067) 3.876.259 Fax: (067) 3.876.255

Chi nhánh CÀ MAU

184B Nguyễn Tất Thành, Khóm 1, P.8, Cà Mau
ĐT: (0780) 3.582.557 Fax: (0780) 3.550.385

Phòng giao dịch PHAN NGỌC HIỂN

11A Trần Hưng Đạo, K6, P.5, TP.Cà Mau, Cà Mau
ĐT: (0780) 3.565.939 Fax: (0780) 3.565.949

Chi nhánh AN GIANG

264/1 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên
An Giang
ĐT: (076) 3.945.126 Fax: (076) 3.945.127

Chi nhánh KIÊN GIANG

281 Nguyễn Trung Trực, TX.Rạch Giá,
Kiên Giang
ĐT: (077) 3.942.926 Fax: (077) 3.942.927

Chi nhánh HÒA AN

162 Ấp Hào Phụng B, TT.Kinh Cùng,
H.Phụng Hiệp, Hậu Giang
ĐT: (0711) 3.869.108 Fax: (0711) 3.869.089

Chi nhánh BẠC LIÊU

B7 -B9 TT Thương Mại, TX.Bạc Liêu, Bạc Liêu
ĐT: (0781) 3.829.985 Fax: (0781) 3.954.917

Phòng giao dịch GÀNH HÀO

Ấp 3, TT Gành Hào, H.Đông Hải, Bạc Liêu
ĐT: (0781) 3.844.426
Fax: (0781) 3.844.688

Phòng giao dịch SÓC TRĂNG

47 Phú Lợi, P.2, TX Sóc Trăng, Sóc Trăng
ĐT: (079) 3.827.222 Fax: (079) 3.620.198

Phòng giao dịch HỘ PHÒNG

187 QL.1A, Khóm 9, Ấp 2, TT.Hộ Phòng,
H.Giá Rai, Bạc Liêu
ĐT: (0781) 3.672.116 Fax: (0781) 3.671.828

KHU VỰC HÀ NỘI**Chi nhánh HÀ NỘI**

Số 260-262 Bà Triệu, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: (04) 39.361.033 Fax: (04) 39.361.034

Phòng giao dịch MINH KHAI

110 Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: (04) 36.245.231 Fax: (04) 36.243.781

Phòng giao dịch LÒ ĐỨC

206 Lò Đức, P.Đống Mác, Q.Hai Bà Trưng,
Hà Nội
ĐT: (04) 39.724.037 Fax: (04) 39.724.038

Phòng giao dịch SAO VIỆT

299 Cầu Giấy, Tòa nhà CTM lầu 6, Hà Nội
ĐT: (04) 22.201.669 Fax: (04) 22.201.679

Phòng giao dịch NGUYỄN TRÃI

248 Nguyễn Trãi, Xã Trung Vãn, H.Từ Liêm,
Hà Nội
ĐT: (046) 2.853.085 Fax: (046) 2.853.084